BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 38/2026
Từ 28/9 - 02/10/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*
ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

TIN TRUNG ƯƠNG

XỬ LÝ DỨT ĐIỂM CÁC NHIỆM VỤ CHẬM, MUỘN VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Văn phòng Chính phủ vừa ban hành Thông báo số 510/TB-VPCP ngày 01/10/2026 kết luận của Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Phiên họp chuyên đề về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội và đánh giá kết quả công tác Quý III năm 2026.



Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chủ trì phiên họp. Ảnh: chinhphu.vn/Nhật Bắc

Không để phát sinh nhiệm vụ quá hạn mới

Thông báo nêu rõ, Ban Chỉ đạo yêu cầu người đứng đầu các bộ, cơ quan, địa phương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo 57 Trung ương về kết quả triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST, CĐS) của bộ, cơ quan, địa phương mình; quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo các chương trình, kế hoạch, thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo; trong đó, tập trung thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm.

Về xử lý dứt điểm nhiệm vụ chậm, muộn, yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương khẩn trương rà soát toàn bộ nhiệm vụ được giao tại các nghị quyết, chương trình, kết luận của Ban Chỉ đạo, bao gồm nhiệm vụ đã giao của Ban Chỉ đạo Trung ương và các Ban Chỉ đạo trước đây nay đã tích hợp nhiệm vụ vào Ban Chỉ đạo Trung ương, triển khai quyết liệt bảo đảm chất lượng và đúng thời hạn, tập trung xử lý dứt điểm các nhiệm vụ chậm, muộn, không để phát sinh nhiệm vụ quá hạn mới; kịp thời cập nhật kết quả thực hiện lên Hệ thống theo dõi (theodoinq.dcs.vn).

Khẩn trương tháo gỡ các khó khăn về mức thu, sử dụng phí, lệ phí trong quá trình triển khai cấp Phiếu Lý lịch tư pháp điện tử

Về hoàn thiện thể chế, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an khẩn trương tháo gỡ các khó khăn về mức thu, sử dụng phí, lệ phí trong quá trình triển khai cấp Phiếu Lý lịch tư pháp điện tử cho công dân Việt Nam ở nước ngoài, hoàn thành trong tháng 10 năm 2026.

Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền chủ trì, phối hợp các bộ, ngành, địa phương khẩn trương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an ninh mạng theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP, hoàn thành trong tháng 10 năm 2026.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, trình Chính phủ trong tháng 10 năm 2026.

Tập trung ưu tiên, tạo chuyển biến rõ nét với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo, cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội

Về phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số, các bộ, cơ quan: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Tài chính; Tòa án nhân dân tối cao tập trung tối đa nguồn lực, khẩn trương khắc phục, xử lý dứt điểm các tồn tại, hạn chế bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ với các cơ sở dữ liệu đã được giao theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 9690/VPCP-CĐS ngày 23 tháng 9 năm 2026; trong đó tập trung ưu tiên, tạo chuyển biến rõ nét với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo, cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, hoàn thành trước ngày 30 tháng 11 năm 2026; đối với cơ sở dữ liệu bản án, quyết định, hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2027. Đến hết năm 2027, cơ bản hoàn thành công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Các bộ, cơ quan, địa phương hoàn thiện Khung quản trị dữ liệu, trong đó xác định rõ cơ quan chủ quản, trách nhiệm cập nhật; thực hiện đối soát định kỳ giữa các cơ sở dữ liệu, xử lý dứt điểm tình trạng dữ liệu không thống nhất; hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo đúng tiến độ để triển khai Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, trong đó ban hành khung kiến trúc số của bộ, cơ quan, địa phương trước ngày 29 tháng 01 năm 2027.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an đẩy mạnh thu hút các dự án FDI quy mô lớn về trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao gắn với chuyển giao công nghệ và an ninh mạng, an ninh dữ liệu; đề xuất cơ chế ưu đãi, đơn giản hoá

thủ tục đầu tư trong quá trình hoàn thiện dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 2.

Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách và giải pháp bảo đảm nguồn cung ứng điện năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là vận hành các hệ thống trung tâm dữ liệu lớn và hạ tầng tính toán hiệu năng cao; kịp thời cập nhật trong quá trình rà soát, điều chỉnh Quy hoạch điện VIII.

Làm sạch, gắn số định danh cho 12 triệu dữ liệu văn bằng, chứng chỉ trên VNeID

Về cắt giảm thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và Đề án 06, Bộ Giáo dục và Đào tạo khẩn trương triển khai đồng bộ dữ liệu học bạ, văn bằng, chứng chỉ để tích hợp trên VNeID và chỉ đạo các cơ sở giáo dục làm sạch, gắn số định danh cho 12 triệu dữ liệu văn bằng, chứng chỉ trên VNeID, hoàn thành trước ngày 30 tháng 10 năm 2026.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Công an đẩy nhanh tiến độ đồng bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tích hợp trên VNeID và đôn đốc, hướng dẫn địa phương kết nối với hệ thống định danh điện tử để công dân được hưởng mức ưu đãi giảm phí, lệ phí theo Nghị quyết 66.22/2026/NQ-CP về phát triển Công dân số, hoàn thành trước ngày 30 tháng 11 năm 2026.

Bộ Khoa học và Công nghệ khẩn trương hoàn thành thẩm định hệ thống cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng và tổ chức triển khai chữ ký số miễn phí trên VNeID; hoàn thành trong tháng 11 năm 2026.

Bộ Công an: *(i)* Bảo đảm Cổng Dịch vụ công quốc gia mới và Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính vận hành ổn định, an toàn; nâng cao hiệu năng, xử lý dứt điểm các lỗi kỹ thuật; hoàn thành tích hợp 82 thủ tục hành chính thiết yếu trước ngày 31 tháng 10 năm 2026; *(ii)* chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ khẩn trương triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1830/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2026 để sớm kết nối VNeID với hệ thống định danh điện tử của Singapore và Lào, thí điểm định danh hàng không quốc tế tại Nội Bài, Tân Sơn Nhất và một số tiện ích xuyên biên giới.

Bộ Xây dựng và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Công an khẩn trương rà soát, đẩy mạnh, đồng bộ dữ liệu định danh địa điểm đủ thông tin thuộc phạm vi quản lý với Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm, hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Các bộ, cơ quan, địa phương rà soát các thủ tục hành chính, trong đó tập trung vào các thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP và 82 dịch vụ công thiết yếu theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025, trên 03 nội dung: *(i)* Thành phần hồ sơ (rà soát, loại bỏ các trường thông tin đã có dữ liệu hoặc không cần thiết); *(ii)* quy trình thực hiện; *(iii)* tối ưu hoá giao diện cung cấp dịch vụ công, để cấu hình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, hoàn thành trong tháng 12 năm 2026; gửi báo cáo về Bộ Tư pháp và Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo trước ngày 05 tháng 01 năm 2027; Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15 tháng 01 năm 2027.

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các bộ, cơ quan, địa phương: *(i)* Đề xuất giải pháp tổng thể về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 05 tháng 10 năm 2026; *(ii)* tổ chức thực hiện chuẩn hóa tên, mã kết quả giải quyết TTHC và mã thành phần hồ sơ; hướng dẫn gắn mã kết quả với mã thành phần hồ sơ để khai thác, tái sử dụng tự động, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại giấy tờ, dữ liệu đã có; báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện trước ngày 31 tháng 10 năm 2026.

Rà soát, tháo gỡ triệt để các điểm nghẽn trong việc thương mại hoá kết quả nghiên cứu

Về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, các bộ, cơ quan và Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục đề xuất, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược theo quy định, bảo đảm mỗi nhiệm vụ phải làm rõ mục tiêu tạo giá trị, có đóng góp thực chất vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội; Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện định kỳ trước ngày 30 hằng tháng. Đối với 14 nhiệm vụ đã phê duyệt, các bộ khẩn trương tuyển chọn tổ chức chủ trì để triển khai; đối với 08 nhiệm vụ đã được thẩm định đủ điều kiện còn lại, các bộ, cơ quan khẩn trương hoàn thành phê duyệt trước ngày 15 tháng 10 năm 2026.

Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính xây dựng phương án thí điểm tạo đơn hàng đầu tiên cho sản phẩm công nghệ chiến lược, trình cấp có thẩm quyền chậm nhất trong tháng 6 năm 2027.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương rà soát, tháo gỡ triệt để các điểm nghẽn trong việc thương mại hoá kết quả nghiên cứu; khẩn trương nghiên cứu đề xuất bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật về sàn giao dịch khoa học công nghệ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 10 năm 2026; đề xuất cơ chế phù hợp, hiệu quả để tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy thương mại hoá kết quả nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 10 năm 2026.

Bộ Khoa học và Công nghệ khẩn trương nghiên cứu, rà soát ban hành quy định về hoạt động, cơ chế vận hành dùng chung của các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, nhằm tạo điều kiện cho các viện, trường và doanh nghiệp sử dụng; hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 năm 2027.

Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai các giải pháp đổi mới mô hình liên kết "3 Nhà" theo hướng các bộ, cơ quan, doanh nghiệp chủ động đặt bài toán, viện, trường nghiên cứu, Nhà nước kiến tạo và chia sẻ rủi ro, tham gia một phần ngân sách; tập trung phát triển nhân lực theo các nhóm: chuyên gia dẫn dắt; kỹ sư nghiên cứu và phát triển (R&D) - thiết kế - tích hợp; kỹ thuật viên sản xuất, vận hành, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 11 năm 2026.

Các tập đoàn, doanh nghiệp phát huy vai trò trung tâm trong phát triển KHCN, ĐMST, CĐS; chủ động phát hiện, đề xuất tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, xác định các bài toán lớn, sản phẩm và công nghệ trọng điểm; cơ chế tăng cường liên kết giữa Nhà nước, doanh

nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và nhà khoa học; tham gia xuyên suốt từ xác định nhu cầu, đặt hàng, nghiên cứu, lựa chọn công nghệ, đầu tư, thử nghiệm đến tiếp nhận, làm chủ, thương mại hóa, tổ chức sản xuất và phát triển thị trường. Trong đó: Doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp công nghệ cao phát huy vai trò dẫn dắt, tiên phong trong phát triển KHCN, ĐMST, CĐS và xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Rà soát, nhận diện các điểm nghẽn cấp bách về vấn đề tài chính, giải ngân kinh phí cho KHCN, ĐMST, CĐS

Về sử dụng kinh phí, vốn đầu tư và các nguồn lực, các bộ, cơ quan, địa phương tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, hạn chế tối đa chuyển nguồn; trường hợp không có khả năng giải ngân hoặc có nhu cầu bổ sung vốn cho KHCN, ĐMST, CĐS thì báo cáo đề xuất gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 10 năm 2026. Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát tổng hợp, gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 10 năm 2026 xem xét, trình cấp có thẩm quyền theo quy định trong tháng 10 năm 2026 để điều chuyển vốn từ các bộ, cơ quan, địa phương giải ngân chậm sang các Bộ, cơ quan, địa phương có khả năng giải ngân tốt và có nhu cầu bổ sung vốn.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính xử lý dứt điểm số kinh phí năm 2026 chưa phân bổ, tập trung bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ công nghệ chiến lược năm 2026; rà soát kỹ, mạnh dạn đề xuất các cơ chế đột phá; hoàn thành trước ngày 20 tháng 10 năm 2026.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương rà soát, nhận diện các điểm nghẽn cấp bách về vấn đề tài chính, giải ngân kinh phí cho KHCN, ĐMST, CĐS; trên cơ sở đó hướng dẫn cho các bộ, cơ quan, địa phương theo thẩm quyền, đề xuất cấp có thẩm quyền đối với các nội dung vượt thẩm quyền; báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện trước ngày 30 tháng 10 năm 2026.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, cơ quan liên quan hoàn thiện phương pháp biên soạn tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP), bổ sung đo lường trữ lượng vốn theo loại tài sản, ngành kinh tế và chất lượng lao động, mở rộng tính toán TFP theo ngành, lĩnh vực. Hoàn thành thử nghiệm trong năm 2027.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính rà soát, cập nhật bổ sung Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của KHCN, ĐMST, CĐS tại Quyết định số 2244/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2025; trong đó làm rõ các chỉ tiêu gắn với nghiên cứu và phát triển, thương mại hoá kết quả nghiên cứu, năng suất lao động, TFP và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 12 năm 2026.

Rà soát dư địa tăng trưởng của từng ngành, vùng, địa phương và chuỗi giá trị, xác định rõ điểm nghẽn, bài toán cần giải quyết

Về thúc đẩy kinh tế số, xã hội số gắn với tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh, các bộ, cơ quan, địa phương chủ động tổ chức các hội nghị chuyên đề về phát triển KHCN, ĐMST, CĐS thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội; rà soát dư địa tăng trưởng của từng ngành, vùng, địa phương và chuỗi giá trị, xác định rõ điểm nghẽn, bài toán cần giải quyết, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số; lấy doanh nghiệp làm

trung tâm, tham gia trong toàn bộ quá trình; ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp có năng lực dẫn dắt, huy động nguồn lực và đưa sản phẩm tham gia chuỗi giá trị trong nước, khu vực và toàn cầu, kết quả gửi về Bộ Công an - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo trước ngày 15 tháng 11 năm 2026 để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, trong đó:

Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổ chức các hội nghị vùng trong tháng 10 năm 2026 về KHCN, ĐMST, CĐS gắn với dư địa tăng trưởng trong nông nghiệp.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì tổ chức Hội nghị chuyên đề về phát triển du lịch gắn với KHCN, ĐMST, CĐS, hoàn thành trong tháng 11 năm 2026.

Bộ Xây dựng chủ trì tổ chức Hội nghị chuyên đề về phát triển KHCN, ĐMST, CĐS gắn với mục tiêu tăng trưởng trong lĩnh vực xây dựng, hoàn thành trong tháng 11 năm 2026.

Các địa phương chủ động rà soát, triển khai theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ, nhất là doanh nghiệp mới thành lập, tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng, trụ sở, thủ tục, cơ chế, chính sách…; nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền các chính sách ưu đãi phù hợp, trong đó có chính sách về thuế, nhằm thúc đẩy thành lập, phát triển doanh nghiệp, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng của địa phương.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương đẩy nhanh tiến độ hướng dẫn quy trình, thủ tục cung cấp, quản lý, vận hành nền tảng số, phần mềm kế toán cho doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh, gắn với triển khai thực hiện Luật Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa sau khi được Quốc hội thông qua, hoàn thành trong tháng 3 năm 2027.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan, địa phương tiếp tục rà soát, đánh giá các nhiệm vụ, sản phẩm KHCN, ĐMST của địa phương; đề xuất lựa chọn sản phẩm có khả năng thương mại hóa, tổ chức thành chuỗi giá trị vùng, liên vùng, phát triển thành sản phẩm quốc gia, gắn với doanh nghiệp có năng lực đồng hành, dẫn dắt từ nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ, sản xuất đến phát triển thị trường, hướng tới tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 11 năm 2026.

Giao Bộ Khoa học và Công nghệ - đầu mối Tổ Công tác về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ chiến lược; Bộ Tài chính - đầu mối Tổ Công tác về tài chính, nguồn lực, chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo hằng tháng về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổ Công tác, gửi Bộ Công an - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo trước ngày 15 hằng tháng để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo.

Nguồn: baochinhphu.vn

NÂNG TẦM CÔNG TÁC PHỐI HỢP, ĐỀ CAO TRÁCH NHIỆM CHÍNH TRỊ TRONG HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN

Chiều 29/9, đồng chí Lê Minh Hưng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Đảng ủy Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và đồng chí Trần Thanh Mẫn, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Đảng ủy Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội đồng chủ trì Hội nghị Ban Thường vụ Đảng ủy Quốc hội với Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ về nội dung, chương trình Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI.

Tại hội nghị, theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, các đại biểu đã tập trung trao đổi, thảo luận, thống nhất về một số nội dung chính: Chương trình, nội dung Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI; những vấn đề lớn, phức tạp cần được quan tâm chỉ đạo hoàn thiện trước khi trình Quốc hội xem xét, thông qua bảo đảm đạt được sự đồng thuận cao; công tác phối hợp giữa Đảng ủy Chính phủ và Đảng ủy Quốc hội bảo đảm thực chất, hiệu quả.

Tại Kỳ họp thứ 2, Chính phủ dự kiến trình Quốc hội 95 tài liệu, tờ trình, báo cáo. Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Chính phủ, các bộ, cơ quan liên quan khẩn trương hoàn thiện các dự án luật, nghị quyết, tờ trình, báo cáo để trình Quốc hội xem xét, thông qua.

Ngay sau Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất, Chính phủ đã tổ chức 3 phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật; Thủ tướng, các Phó Thủ tướng đã trực tiếp chủ trì nhiều cuộc họp để cho ý kiến về các dự án luật, nghị quyết; yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan khẩn trương tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và cơ quan thẩm tra đối với các dự án luật đã được Quốc hội cho ý kiến; đồng thời khẩn trương hoàn thiện để trình các dự án luật đã có trong Chương trình lập pháp năm 2026.

“3 trách nhiệm” và “3 kỷ luật” trong xây dựng, thực thi chính sách

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Trần Thanh Mẫn đánh giá khối lượng công việc của Kỳ họp thứ 2 rất lớn, đề nghị hai bên xem xét những dự án luật, nghị quyết có thể rút gọn được quy trình trong một kỳ họp, những nội dung phải thông qua trong nhiều kỳ họp.

Chủ tịch Quốc hội nêu rõ, tinh thần là khẩn trương, tích cực nhưng cũng không thể chủ quan; không chỉ phối hợp để hoàn thành chương trình Kỳ họp, mà phải phối hợp để nâng chất lượng quyết sách của Quốc hội và thực thi của Chính phủ; không chỉ xử lý hồ sơ mà phải xử lý chính sách, đặc biệt là yêu cầu phòng chống tham nhũng, tiêu cực; không chỉ rõ tiến độ mà phải rõ trách nhiệm cuối cùng đối với từng sản phẩm.

Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn nhấn mạnh yêu cầu chuyển mạnh từ phối hợp theo quy trình sang đồng hành từ đầu về chính sách; chất lượng phải đi trước một bước so với tiến độ, làm chắc ngay từ đầu; xử lý công việc không để dồn vào cuối kỳ; phải coi thực thi là một phần của chất lượng lập pháp, ngay từ khâu chuẩn bị.

Đồng thời, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn cho rằng, công tác phối hợp giữa hai Đảng ủy không chỉ là phối hợp hành chính mà còn về trách nhiệm chính trị. Theo đó, Chủ tịch Quốc hội đề nghị "3 trách nhiệm": Chính phủ phải chịu trách nhiệm cao nhất về chất lượng chính sách trình; các cơ quan của Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban phải chịu trách nhiệm cao nhất về chất lượng thẩm tra; Ủy ban Thường vụ Quốc hội chịu trách nhiệm cao nhất về việc chuẩn bị để báo cáo Quốc hội quyết định.

Đánh giá từ nay đến ngày khai mạc Kỳ họp là giai đoạn cao điểm, Chủ tịch Quốc hội đề nghị "3 kỷ luật": Kỷ luật về tiến độ, không để hồ sơ chậm; kỷ luật về chất lượng, không đưa vấn đề chưa chín, chưa rõ ra Quốc hội thảo luận; kỷ luật về trách nhiệm, không để việc chung không có người chịu trách nhiệm đến cùng.

Đến nay, Chính phủ không còn văn bản nợ đọng

Thay mặt Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ và Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng cho biết, thời gian qua, sự phối hợp giữa các cơ quan của Quốc hội và Chính phủ tiếp tục đổi mới ngày càng thực chất và hiệu quả hơn ở cả ba mặt công tác lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

Theo đó, đã kịp thời thể chế hóa các chủ trương của Đảng, Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước; khẩn trương, chủ động phối hợp chặt chẽ trong xây dựng, trình, thẩm tra, thông qua nhiều dự án luật, nghị quyết quan trọng, có tác động lớn đến thúc đẩy tăng trưởng kinh tế 2 con số, tháo gỡ vướng mắc, điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực, kiến tạo phát triển.

Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất của Quốc hội đã hoàn thành một khối lượng công việc lớn trong thời gian ngắn, với sự đồng thuận, nhất trí cao. Điều này tiếp tục khẳng định: Khi hai bên chủ động phối hợp từ sớm, trao đổi thẳng thắn, xử lý kỹ các vấn đề còn ý kiến khác nhau thì dù khối lượng công việc lớn, thời gian ngắn vẫn có thể bảo đảm chất lượng, tiến độ và đạt đồng thuận cao.

Cùng với đó, trách nhiệm người đứng đầu bộ, ngành trong việc chuẩn bị dự án luật được nâng lên; công tác phối hợp với Quốc hội, các ủy ban của Quốc hội ngày càng chặt chẽ, từ sớm, từ xa, từ khâu đề xuất chính sách, soạn thảo đến thẩm tra, tiếp thu, giải trình, chỉnh lý.

Đồng thời, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo các bộ, cơ quan khẩn trương xây dựng, trình ban hành văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết đã có hiệu lực; đến nay, không còn văn bản nợ đọng.

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng cho biết, để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ 2, Đảng ủy Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chủ trì soạn thảo: Tập trung hoàn thiện các dự án luật, nghị quyết, xây dựng các báo cáo, tờ trình bảo đảm chất lượng, kịp thời; chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội, cơ quan liên quan trong quá trình thẩm tra, tiếp thu, chỉnh lý các dự án luật, nghị quyết; tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với các dự án luật có nội dung nhạy cảm, phạm vi tác động lớn đến đời sống KTXH (như Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản…). Đồng thời nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến xác đáng, giải trình đầy đủ, thuyết phục để các luật được ban hành thực sự đi vào cuộc sống, tạo

khuôn khổ pháp lý rõ ràng, minh bạch; chủ động chuẩn bị văn bản quy định chi tiết bảo đảm đồng bộ với thời điểm có hiệu lực của luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua.

Theo Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng, thời gian chuẩn bị còn lại không nhiều, trong khi khối lượng công việc rất lớn, nhiều nội dung quan trọng; nhiều dự án luật có phạm vi tác động rộng, liên quan trực tiếp đến huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực; đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp; có những vấn đề mới, khó, phức tạp, còn ý kiến khác nhau.

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng nêu rõ, yêu cầu đặt ra không chỉ là hoàn thành hồ sơ đúng hạn, mà phải bảo đảm chất lượng cao nhất, chính sách đúng, quy định rõ, đồng bộ, khả thi và tổ chức thực hiện được ngay sau khi được thông qua. Tinh thần là: chuẩn bị từ sớm, phối hợp từ đầu, xử lý dứt điểm từng vấn đề để Quốc hội thông qua với sự đồng thuận cao và sau Kỳ họp triển khai được ngay. Vấn đề đã rõ thì thống nhất ngay; vấn đề còn ý kiến khác nhau thì phải chủ động phối hợp trao đổi, làm rõ để xác định phương án và thời hạn xử lý.

Trên cơ sở rà soát của các bộ và yêu cầu thực tiễn, Ban Thường vụ Đảng ủy đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy Quốc hội xem xét một số nội dung về chương trình Kỳ họp thứ 2 và quan tâm, chỉ đạo các cơ quan của Quốc hội phối hợp chặt chẽ trong thẩm tra, tiếp thu, chỉnh lý đối với các dự án luật, nghị quyết dự kiến được trình Quốc hội tại Kỳ họp.

Về công tác phối hợp phục vụ cho Kỳ họp, Thủ tướng yêu cầu các đồng chí Bộ trưởng, Trưởng ngành coi việc chuẩn bị cho Kỳ họp là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, đề cao trách nhiệm cao nhất để lãnh đạo, chỉ đạo trong thời gian tới; chỉ đạo chuẩn bị tài liệu, hồ sơ bảo đảm tiến độ theo yêu cầu; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội để tiếp thu, chỉnh lý các dự án luật, nghị quyết, báo cáo bảo đảm chất lượng, tính thống nhất giữa các tài liệu trình Quốc hội; chủ động chuẩn bị các văn bản quy định chi tiết để có hiệu lực đồng thời với luật, nghị quyết; tham gia đầy đủ các phiên họp; trao đổi, giải trình, cung cấp thông tin về những vấn đề đại biểu Quốc hội và dư luận quan tâm thuộc lĩnh vực phụ trách, kịp thời báo cáo những vấn đề chưa thống nhất, vượt thẩm quyền.

Nguồn: baochinhphu.vn

PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHẠM THỊ THANH TRÀ: CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ SẼ ĐƯỢC TĂNG PHỤ CẤP TỪ 25% LÊN 55%

Sáng 30/9/2026, tại xã Mậu A, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà cùng các đại biểu Quốc hội tỉnh Lào Cai tiếp xúc cử tri 4 xã: Mậu A, Đông Cuông, Tân Hợp và Xuân Ái.

Một trong những vấn đề được cử tri quan tâm là chính sách tiền lương, phụ cấp đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Cử tri đề nghị sớm hoàn thiện chính sách tiền lương, phụ cấp phù hợp với khối lượng công việc, vị trí việc làm, mức độ kiêm nhiệm và đặc thù địa bàn miền núi rộng lớn.

Trao đổi với cử tri, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà cho biết, sau khi sơ kết một năm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định chủ trương tăng mức hưởng phụ cấp đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã từ 25% lên 55%, tăng thêm 30%.

Theo Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà, trình tự, thủ tục để hoàn tất chính sách đang được thực hiện. Cán bộ, công chức cấp xã sẽ được hưởng mức phụ cấp mới từ ngày 01/7/2026 và áp dụng cho đến khi thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà nhấn mạnh, đây là chính sách được Trung ương ưu tiên dành cho cấp xã, xuất phát từ yêu cầu thực tế của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, trong đó cấp xã là nơi trực tiếp thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải quyết công việc và phục vụ Nhân dân.

Việc tăng phụ cấp là một chính sách cụ thể nhằm tạo thêm động lực, nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ trong mô hình tổ chức mới. Việc điều chỉnh phụ cấp gắn với yêu cầu tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản trị và phục vụ nhân dân trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Tuy nhiên, theo Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà, đây mới là một phần trong tổng thể chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức. Để giải quyết tổng thể, hiện nay Chính phủ đang tập trung xây dựng Đề án cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội, để trình Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XIV. Khi chính sách tiền lương được triển khai đồng bộ, các chế độ, chính sách liên quan sẽ được xem xét trong tổng thể chung.

Cùng với chính sách phụ cấp đối với cán bộ, công chức cấp xã, các chính sách phụ cấp đặc thù đối với nhà giáo, nhân viên y tế, nhân viên hỗ trợ trong trường học, văn nghệ sĩ, lực lượng công an, quân đội cũng đang được triển khai theo các nghị định liên quan.

Phương Nhung/Moha.gov.vn

BỘ TÀI CHÍNH CÔNG BỐ 4 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Ngày 28/9/2026, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 2695/QĐ-BTC công bố 4 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung áp dụng thực hiện trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của cơ quan này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, thay thế nội dung công bố thủ tục hành chính số thứ tự 825, 826, 827, 828 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24/4/2025 của Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mới được Bộ Tài chính công bố gồm có:

Đăng ký, điều chỉnh đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế.

Đăng ký, đăng ký lại, điều chỉnh đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện; bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện; cấp sổ bảo hiểm xã hội.

Đăng ký đóng, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người chỉ tham gia bảo hiểm y tế.

Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế.

Quyết định của Bộ Tài chính cũng nêu nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính về: Trình tự, cách thức thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ; thời hạn và cơ quan giải quyết; đối tượng, kết quả, yêu cầu, điều kiện thực hiện; phí và lệ phí; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai cũng như căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

Thông tin từ Bảo hiểm xã hội Việt Nam cho biết, tính đến ngày 31/8/2026, số lao động tham gia bảo hiểm xã hội trên cả nước đạt 22,408 triệu người, trong đó, bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt 19,865 triệu người.

Theo kế hoạch, từ nay đến hết năm 2026, toàn hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam đặt mục tiêu phát triển thêm 661,9 nghìn người tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó bảo hiểm xã hội bắt buộc 397,2 nghìn người, bảo hiểm xã hội tự nguyện 264,6 nghìn người.

Nguồn: nhandan.vn

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG PHẤN ĐẤU HOÀN THÀNH 4 NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRƯỚC NGÀY 10/10

Hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10), Bộ Nông nghiệp và Môi trường vừa ban hành Quyết định số 3696/QĐ-BNNMT triển khai Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026 (gọi tắt là kế hoạch), với nhiều hoạt động đổi mới.

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, năm 2026 là năm bản lề triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong giai đoạn mới; trọng tâm là hoàn thiện thể chế và phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo, kinh tế số, xã hội số, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững và nâng cao năng suất lao động.

Trên cơ sở tinh thần chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/1/2026 của Chính phủ, chủ đề Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026 được lựa chọn là "Chuyển đổi số quốc gia: Từ kiến trúc, nền tảng, dữ liệu đến kết quả thực chất, nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia."

Chủ đề trên nhằm truyền đi thông điệp chuyển đổi số quốc gia đã chuyển hóa các thể chế, chính sách, quy định thành những kết quả thực chất, đóng góp cụ thể trong cả 3 trụ cột gồm Chính phủ số, Kinh tế số và Xã hội số; đồng thời góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả quản trị quốc gia.

Bám sát chủ đề trên, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã xác định 4 nhiệm vụ trọng tâm hoàn thành trước ngày 10/10, bao gồm: Hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm tích hợp, hoạt động đồng bộ, thống nhất, thông suốt, ổn định với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đáp ứng yêu cầu về chất lượng dịch vụ và trải nghiệm người dùng; kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu đã công bố và các cơ sở dữ liệu mới hoàn thành; tự động điền, xác thực và tái sử dụng dữ liệu; xây dựng và vận hành Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ carbon; hoàn thiện công cụ điện báo số liệu quan trắc khí tượng thủy văn phục vụ chuyển đổi số mạng lưới khí tượng thủy văn quốc gia.

Cùng với 4 nhiệm vụ trên, các cơ quan, đơn vị thuộc bộ tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia đến hết ngày 10/10/2026, bảo đảm phù hợp với mục đích, ý nghĩa, yêu cầu và chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026.

Ngoài ra, các hoạt động truyền thông cũng được triển khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trang thông tin điện tử của các đơn vị, hệ thống thông tin nội bộ và báo chí ngành. Nội dung tập trung làm rõ vai trò, ý nghĩa, lợi ích của chuyển đổi số trong nông nghiệp và môi trường; giới thiệu các bài học, mô hình, cách làm đột phá, sáng tạo đã mang lại kết quả thiết thực.

Nguồn: vietnamplus.vn

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA BỘ NỘI VỤ

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 1057/QĐ-BNV về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa Bộ Nội vụ.

Quyết định số 1057/QĐ-BNV ban hành danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa của Bộ Nội vụ bao gồm 62 thủ tục hành chính thuộc 8 lĩnh vực quản lý nhà nước. Quyết định này đồng thời thay thế Quyết định số 965/QĐ-BNV ngày 28/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa Bộ Nội vụ.

Danh mục thủ tục hành chính được công bố là một trong những cơ sở quan trọng để Bộ Nội vụ tổ chức hoạt động tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa. Việc cập nhật danh mục trong bối cảnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ tiếp

tục được hoàn thiện cho thấy yêu cầu thường xuyên rà soát, chuẩn hóa thủ tục hành chính để bảo đảm phù hợp với hệ thống pháp luật và thực tiễn quản lý nhà nước.

Danh mục được thiết kế theo từng lĩnh vực quản lý nhà nước, xác định cụ thể số thứ tự, mã thủ tục và tên thủ tục hành chính. Cách thức công bố này giúp các tổ chức, cá nhân dễ dàng nhận diện thủ tục thuộc phạm vi giải quyết của Bộ, đồng thời tạo cơ sở để các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ thống nhất trong tổ chức thực hiện.

Theo phụ lục kèm theo Quyết định 1057/QĐ-BNV, danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa của Bộ Nội vụ bao gồm:

Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ (13 thủ tục hành chính): Bao gồm các thủ tục liên quan đến việc công nhận ban vận động thành lập hội, thành lập hội, tổ chức đại hội, phê duyệt điều lệ, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội, giải thể hội; đồng thời bao gồm các thủ tục về thành lập, hoạt động, thay đổi, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hoặc giải thể quỹ.

Lĩnh vực Công chức - Viên chức (05 thủ tục hành chính): Quy định các thủ tục về thi tuyển, xét tuyển công chức; tuyển chọn chuyên gia, Kiến trúc sư trưởng và Tổng công trình sư.

Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước (12 thủ tục hành chính): Gồm cấp, đổi, điều chỉnh Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; đăng ký hợp đồng lao động; hỗ trợ người lao động và doanh nghiệp giải quyết rủi ro, tranh chấp phát sinh.

Lĩnh vực Việc làm (08 thủ tục hành chính): Tiếp nhận hồ sơ cấp, cấp lại giấy phép làm việc cho lao động nước ngoài, công dân tham gia các chương trình lao động kết hợp kỳ nghỉ (Niu Di-lân, Ô-xtray-li-a); báo cáo chuyên gia khoa học và công nghệ và công nhận chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động (10 thủ tục hành chính): Thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; cấp, cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên; giải quyết giảm mức đóng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Lĩnh vực Người có công (11 thủ tục hành chính): Tiếp nhận, giải quyết các thủ tục liên quan đến cấp, cấp đổi, cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"; tiếp nhận, nuôi dưỡng người có công tại cơ sở quản lý; giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng, cán bộ đi chiến trường B, C, K.

Lĩnh vực Lưu trữ (02 thủ tục hành chính): Quy định việc sử dụng tài liệu lưu trữ dự phòng và công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt.

Lĩnh vực Lao động - Tiền lương (01 thủ tục hành chính): Thủ tục kết nối eContract với Nền tảng hợp đồng lao động điện tử.

Phương Nhung/Moha.gov.vn

BỘ Y TẾ CHUẨN BỊ TRÌNH QUỐC HỘI SỬA 4 DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện Nghị quyết số 11/2026/UBTVQH16 ngày 21/7/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2026, Bộ Y tế được giao chủ trì 4 dự án luật trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 2 (tháng 10/2026).

Thứ trưởng Thường trực Bộ Y tế Vũ Mạnh Hà cho biết đây là khối lượng công việc lập pháp rất lớn trong thời gian ngắn.

Đầu tiên là Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số luật thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trẻ em, Luật Người khuyết tật, Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật Dược, Luật Người cao tuổi và Luật Bảo hiểm y tế.

Theo Thứ trưởng Vũ Mạnh Hà, dự án Luật sửa đổi đồng thời 6 luật, gồm 8 điều, xuất phát từ ba yêu cầu cấp bách.

Thứ nhất, bảo đảm không có khoảng trống pháp luật sau sắp xếp tổ chức bộ máy. Để vận hành chính quyền địa phương hai cấp, Chính phủ đã ban hành 4 nghị định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực y tế. Theo Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội, các quy định tại 2 nghị định riêng về phân quyền, phân cấp chỉ có hiệu lực đến hết ngày 28/2/2027. Vì vậy, cần luật hóa để thay thế.

Thứ hai, luật hóa kết quả cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện đầu tư, kinh doanh theo Nghị quyết số 206/2025/QH15 và các nghị quyết của Chính phủ. Đồng thời, tiếp tục cắt giảm trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh và dược.

Thứ ba, bảo đảm thống nhất với các luật mới được Quốc hội ban hành như Luật Giáo dục, Luật Giá, Luật Giao dịch điện tử, Luật Chuyển đổi số, Luật Thủ đô. Đồng thời, xử lý những vấn đề cấp bách về quản lý giá thuốc, giá dịch vụ và thiết bị y tế.

Về Luật Khám bệnh, chữa bệnh, dự kiến sắp xếp lại các hình thức tổ chức khám chữa bệnh; đẩy mạnh phân cấp việc cấp phép danh mục kỹ thuật đặc biệt và kỹ thuật mới. Bỏ quy định về phê duyệt giá cụ thể của từng đơn vị và thay bằng quy định giá chung theo cấp chuyên môn. Đồng thời, bổ sung quy định về quản lý thiết bị y tế.

Về Luật Dược, đơn giản hóa các điều kiện liên quan đến sinh phẩm tham chiếu và sinh phẩm tương tự theo hướng: Bỏ quy định về sinh phẩm tham chiếu bắt buộc phải là sinh phẩm đã cấp phép tại Việt Nam; bỏ quy định về sinh phẩm tương tự bắt buộc phải so sánh để chứng minh là có sự tương tự về chất lượng, an toàn và hiệu quả với một sinh phẩm tham chiếu đã được cấp phép tại Việt Nam. Cùng với đó, bổ sung các quy định liên quan đến quản lý giá thuốc.

Về Luật Trẻ em, bãi bỏ điều kiện kinh doanh đến dịch vụ bảo vệ trẻ em, chuyển sang quản lý bằng tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn chuyên môn.

Về Luật Người khuyết tật, sửa đổi quy định về xác định mức độ khuyết tật. Với Luật Người cao tuổi, gồm nội dung sửa đổi, bổ sung các khoản của Điều 13, Điều 21, Điều 22, chỉnh lý

Điều 28 và bãi bỏ Điều 29 phù hợp với định hướng đổi mới quy trình xây dựng pháp luật tại Kết luận số 119-KL/TW; điều chỉnh cho phù hợp với tổ chức bộ máy mới.

Với Luật Bảo hiểm y tế, sửa đổi để đồng bộ với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và với các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh mới.

Mục tiêu là vừa bảo đảm bộ máy mới vận hành thông suốt, vừa giảm thủ tục cho người dân, doanh nghiệp, đồng thời kiểm soát tốt hơn giá thuốc, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và thiết bị y tế, giảm gánh nặng cho người bệnh và Quỹ bảo hiểm y tế.

Thứ hai, là Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi), nhằm thể chế hóa 4 chính sách Chính phủ đã thông qua tại Nghị quyết số 184/NQ-CP, bao gồm: quản lý theo nguy cơ trên chuỗi cung ứng; cải cách cơ chế kiểm tra trên thị trường; số hóa, xây dựng hệ thống dữ liệu an toàn thực phẩm quốc gia liên thông; nâng cao hiệu quả quản lý thức ăn đường phố và bếp ăn tập thể.

Thứ ba là Luật Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác (sửa đổi). Thứ trưởng Vũ Mạnh Hà thông tin, sau 20 năm thi hành, Luật năm 2006 đã giúp ghép tạng Việt Nam phát triển mạnh. Đến tháng 3/2026, cả nước thực hiện 11.187 ca ghép; số ca tăng từ 296 ca năm 2015 lên 1.368 ca năm 2025; 34 bệnh viện đủ điều kiện ghép; hơn 175.000 người đăng ký hiến sau khi chết.

Tuy nhiên, 91,4% ca ghép vẫn từ người hiến còn sống, chỉ 8,6% từ người hiến chết não. Luật chưa cho phép hiến sau chết tuần hoàn, trong khi nguồn này chiếm khoảng một nửa số người hiến sau khi chết ở Hoa Kỳ, Anh, Tây Ban Nha. Người dưới 18 tuổi chưa được hiến sau khi chết; điều kiện hiến khi còn sống chưa đủ chặt để phòng mua bán tạng trá hình.

Luật dự kiến mở rộng phạm vi điều chỉnh sang máu, tế bào, sản phẩm tế bào, tinh trùng, noãn, phôi. Nghiêm cấm mua bán mô không tái sinh, bộ phận cơ thể người. Mở rộng nguồn hiến: bổ sung hiến sau chết tuần hoàn; người dưới 18 tuổi được hiến sau khi chết nếu đã đăng ký hiến hoặc có nguyện vọng hiến thể hiện bằng văn bản, và được người đại diện đồng ý bằng văn bản.

Đồng thời, siết chặt hiến khi còn sống: từ đủ 18 đến dưới 25 tuổi chỉ được hiến cho thành viên gia đình; xác minh quan hệ qua cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; phát hiện dấu hiệu mua bán phải báo ngay cơ quan công an.

Hội đồng xác định chết não, chết tuần hoàn đánh giá độc lập; người điều trị, kíp ghép không được tham gia; kết luận phải được tất cả thành viên chuyên môn thống nhất. Việc đăng ký hiến trực tuyến, kết nối định danh điện tử; mọi ca ghép phải có mã điều phối quốc gia; trẻ em, người đã hiến và thân nhân người hiến được ưu tiên.

Đặc biệt, dự thảo luật đặt vấn đề phòng, chống "du lịch ghép tạng". Người nước ngoài chỉ được ghép tại Việt Nam khi có cùng dòng máu về trực hệ hoặc có họ trong phạm vi ba đời với người hiến.

Để tri ân người hiến, dự thảo đề xuất lấy ngày 20/5 hằng năm là Ngày hiến mô, tạng Việt Nam. Người hiến còn sống được cấp thẻ bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ miễn phí; cho phép thành lập quỹ hiến tạng.

Thứ tư là Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá.

Việc sửa đổi Luật nhằm luật hóa Nghị quyết số 173/2024/QH15 của Quốc hội cấm thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng từ năm 2025, và thể chế hóa yêu cầu kiểm soát các yếu tố nguy cơ tại Nghị quyết số 72-NQ/TW. Thuốc lá thế hệ mới đang lan nhanh trong giới trẻ, cần hành lang pháp lý đủ mạnh để thực thi.

Dự án Luật đã luật hóa khái niệm thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng; cấm toàn bộ chuỗi sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng các sản phẩm này, cùng túi ngậm nicotine và shisha, trừ trường hợp phục vụ nghiên cứu khoa học, kiểm nghiệm, giám định được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Cấm cơ sở bán buôn, bán lẻ trưng bày thuốc lá dưới mọi hình thức; định nghĩa rõ "trưng bày" và "tiếp thị trực tiếp" để dễ xử lý vi phạm. Tăng cường thực thi quy định cấm bán thuốc lá cho người chưa đủ 18 tuổi. Xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lào phải công bố tiêu chuẩn sản phẩm.

Luật cũng bãi bỏ điều kiện kinh doanh dịch vụ cai nghiện thuốc lá, thay bằng yêu cầu tuân thủ hướng dẫn của Bộ Y tế. Luật dự kiến có hiệu lực từ ngày 1/7/2027; quy định trưng bày được chuyển tiếp 6 tháng để doanh nghiệp chuẩn bị.

Nguồn: vneconomy.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG

HÀ NỘI KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN TẠI 12 SỞ VÀ 126 XÃ, PHƯỜNG

Ngày 28/9/2026, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch số 372/KH-UBND về triển khai khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng phục vụ của các sở, cơ quan tương đương sở và ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Kế hoạch nhằm đo lường định lượng và định tính hiệu quả của các sở, cơ quan tương đương sở và ủy ban nhân dân các xã, phường trong cung cấp dịch vụ công cho người dân, đại diện tổ chức. Việc đo lường và cải thiện liên tục nhằm giúp dịch vụ công ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu, mong đợi của người dân, qua đó nâng cao mức độ hài lòng và chất lượng cuộc sống.

Kết quả đo lường cũng cung cấp thông tin phản hồi để các cơ quan nhà nước xác định điểm mạnh, tồn tại, hạn chế, từ đó đưa ra giải pháp cải thiện, hoàn thiện quy trình, thủ tục hành chính. Qua đó, góp phần giúp bộ máy hành chính hoạt động hiệu quả, minh bạch, chuyên nghiệp hơn; giảm thiểu phiền hà, nhũng nhiễu đối với người dân và doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động kinh tế - xã hội khác, góp phần vào sự phát triển chung của Thủ đô.

Đồng thời, việc khảo sát gắn trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức với sự hài lòng của người dân, tổ chức. Kết quả đo lường là một tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu quả công việc, thái độ phục vụ, góp phần xây dựng niềm tin vào hệ thống quản lý nhà nước ở các cấp chính quyền.

Phạm vi khảo sát được thực hiện trên toàn địa bàn thành phố Hà Nội, tập trung vào 12 sở, cơ quan tương đương sở và 126 ủy ban nhân dân xã, phường. Thời gian thu thập thông tin đánh giá từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026.

Đối tượng khảo sát gồm người dân đại diện hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi, biết đọc, biết viết; cá nhân và người đại diện tổ chức đã giao dịch thủ tục hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước của thành phố.

Tổng số phiếu khảo sát là 9.960 phiếu, trong đó 960 phiếu được phân bổ cho 12 sở, cơ quan tương đương sở và 9.000 phiếu cho ủy ban nhân dân các xã, phường.

Đối với các sở, số lượng phiếu được phân bổ căn cứ vào tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và số giao dịch thủ tục hành chính đã thực hiện. Cụ thể, Sở Xây dựng được phân bổ 160 phiếu; Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Môi trường, mỗi đơn vị 120 phiếu; Sở Công Thương và Sở Y tế, mỗi đơn vị 100 phiếu.

Đối với cấp xã, phường, thành phố phân bổ 3.940 phiếu cho 51 phường và 5.060 phiếu cho 75 xã. Số lượng phiếu tại từng đơn vị được xác định theo quy mô dân số, với mức từ 20 đến 100 phiếu/đơn vị.

Khảo sát được thực hiện bằng nhiều hình thức, gồm khảo sát trực tiếp bằng phiếu hỏi và khảo sát trực tiếp trên nền tảng trực tuyến. Điều tra viên có thể phát phiếu tại địa bàn dân cư, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của thành phố hoặc các điểm phục vụ hành chính công của các sở, cơ quan tương đương sở và 126 xã, phường.

Đối với hình thức trực tuyến, điều tra viên hướng dẫn người dân truy cập đường link hoặc quét mã QR để tự trả lời phiếu khảo sát trên nền tảng phần mềm khảo sát cải cách hành chính của thành phố.

Theo phân bổ, 2.988 phiếu, tương ứng 30% tổng số phiếu, được thực hiện trực tiếp trên nền tảng trực tuyến; 6.972 phiếu, tương ứng 70%, thực hiện bằng phiếu giấy.

Nội dung khảo sát tập trung vào các nhóm chỉ số về mức độ hài lòng của người dân, đại diện tổ chức, gồm chỉ số hài lòng theo tiêu chí, yếu tố, nội dung và chỉ số hài lòng chung về sự phục vụ hành chính. Đồng thời, khảo sát đánh giá nhóm chỉ số về nhu cầu, mong đợi của người dân, đại diện tổ chức.

Kết quả đánh giá Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính (SIPAS) của các sở, cơ quan tương đương sở được xếp theo 3 mức. Trong đó, mức A là mức độ hài lòng từ 90% trở lên; mức B từ 80% đến dưới 90%; mức C dưới 80%.

Nguồn: hanoimoi.vn

CAO BẰNG: KIỂM TRA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, SỞ CÔNG THƯƠNG

Ngày 01/10/2026, Đoàn kiểm tra cải cách hành chính do đồng chí Trần Lương Nguyệt, Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Cao Bằng làm trưởng đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính, kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công vụ tại Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Công thương.

Năm 2026, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành kế hoạch cải cách hành chính với 50 nhiệm vụ trọng tâm; đến thời điểm báo cáo, các phòng, đơn vị thực hiện và thực hiện thường xuyên khoảng 44 nhiệm vụ, đạt 88%. Sở ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện cải cách hành chính, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ.

Công tác cải cách thủ tục hành chính được chú trọng. Sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố 185 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; 104/104 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Từ ngày 01/01/2026 đến thời điểm kiểm tra, Sở tiếp nhận 265 hồ sơ thủ tục hành chính trên cổng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó 258 hồ sơ trực tuyến, chiếm 97,3%; thực hiện số hóa 100% hồ sơ; thường xuyên sử dụng chữ ký số trong trao đổi, xử lý, phát hành văn bản điện tử.

Đối với Sở Công thương, kế hoạch cải cách hành chính năm 2026 đề ra 43 nhiệm vụ cụ thể, đến thời điểm báo cáo đã hoàn thành 15 nhiệm vụ, các nhiệm vụ còn lại chủ yếu là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục. Từ ngày 15/12/2025 đến hết ngày 23/9/2026, Sở tiếp nhận 1.929 hồ sơ thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị, 17 hồ sơ từ kỳ trước chuyển sang; giải quyết trước hạn và đúng hạn 1.931 hồ sơ.

Trong kiểm soát thủ tục hành chính, Sở thực hiện công bố 483/483 danh mục thủ tục hành chính theo yêu cầu. Đơn vị duy trì việc theo dõi, đôn đốc tiến độ giải quyết hồ sơ, yêu cầu các phòng tăng cường xử lý văn bản, ký số trên môi trường điện tử, rà soát cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính và hạn chế tình trạng hồ sơ xử lý trễ hạn. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt 79,4% theo số liệu ghi nhận tại Cổng dịch vụ công Quốc gia.

Cùng với cải cách hành chính, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công vụ được hai sở quan tâm gắn với thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; cán bộ, công chức, viên chức cơ bản chấp hành quy chế làm việc, nội quy cơ quan, giờ làm việc, quy tắc giao tiếp, ứng xử và nhiệm vụ được giao; công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc được duy trì. Tuy nhiên, một số nhiệm vụ phối hợp giữa các phòng có lúc chưa kịp thời, một số nhiệm vụ hoàn thành chưa bảo đảm thời gian do khối lượng công việc lớn, nhiều nhiệm vụ phát sinh và có những nội dung cần phối hợp với nhiều cơ quan.

Đoàn kiểm tra đề nghị các đơn vị làm rõ tiến độ thực hiện từng nhóm nhiệm vụ cải cách hành chính, phân loại cụ thể các nhiệm vụ đã hoàn thành, nhiệm vụ đang thực hiện, nhiệm vụ thường xuyên, liên tục và những nhiệm vụ chưa hoàn thành hoặc còn chậm tiến độ và cơ chế theo dõi, đôn đốc; đồng thời có phương án cải thiện các chỉ tiêu còn thấp, bảo đảm đánh giá kết quả cải cách hành chính thực chất, đúng tiến độ và đúng mức độ hoàn thành.

Phó Giám đốc Sở Nội vụ Trần Lương Nguyệt ghi nhận kết quả hai đơn vị đạt được trong thực hiện cải cách hành chính, kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công vụ. Đề nghị các đơn vị tiếp tục gắn cải cách hành chính với nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ; rà soát, khắc phục những hạn chế và cải thiện các chỉ tiêu còn thấp. Đồng thời, đẩy mạnh số hóa, xử lý văn bản trên môi trường điện tử, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu, nâng cao chất lượng tự kiểm tra, chất lượng phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính.

Nguồn: baocaobang.vn

PHÚ THỌ: ĐƯA PHẦN MỀM TÍCH HỢP TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀO QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH NGÀNH NỘI VỤ

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngành Nội vụ Phú Thọ đang đẩy mạnh chuyển đổi số, từng bước chuyển từ phương thức quản lý dựa nhiều vào hồ sơ, dữ liệu thủ công sang quản lý trên nền tảng số, qua đó nâng cao hiệu quả điều hành và cải cách hành chính.

Tháng 8/2026, Sở Nội vụ Phú Thọ đưa vào vận hành phần mềm quản trị, điều hành dữ liệu số tại địa chỉ noivu.phutho.gov.vn. Hệ thống tích hợp các chức năng quản lý cơ sở dữ liệu, phân tích và trực quan hóa số liệu, báo cáo, phòng họp không giấy tờ, quản lý nhiệm vụ và theo dõi văn bản.

Đáng chú ý, phần mềm tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI), cho phép tự động xử lý, tổng hợp dữ liệu từ các tệp Excel và xây dựng biểu đồ phân tích, hỗ trợ công tác đánh giá, tổng hợp và ra quyết định. Giải pháp hướng tới chuẩn hóa dữ liệu theo phương châm "đúng - đủ - sạch - sống", nâng cao hiệu quả quản trị và điều hành.

Giám đốc Sở Nội vụ Phú Thọ Trần Việt Cường cho biết, trong bối cảnh chuyển đổi số trở thành yêu cầu đối với hoạt động của bộ máy hành chính, việc nghiên cứu và ứng dụng AI phù hợp với đặc thù ngành Nội vụ góp phần tự động hóa quy trình, khai thác dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định, hướng tới nền hành chính hiện đại, minh bạch, phục vụ người dân tốt hơn.

Để nâng cao năng lực số, Sở Nội vụ đã tổ chức tập huấn ứng dụng AI trong quản trị, điều hành bằng dữ liệu số cho cán bộ, công chức, viên chức. Nội dung tập trung vào khả năng, giới hạn của AI, cách xây dựng câu lệnh, ứng dụng trong hành chính, phân tích và tổng hợp dữ liệu, đồng thời chú trọng kiểm soát chất lượng thông tin và bảo đảm an toàn dữ liệu.

Trong lĩnh vực lao động, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp triển khai Cổng việc làm Phú Thọ, phục vụ kết nối cung - cầu lao động. Đến nay, cổng có gần 11,4 triệu lượt truy cập, hỗ trợ tuyển dụng thành công hơn 6.800 lao động vào các doanh nghiệp trên địa bàn. Ứng dụng Việc làm Phú Thọ trên thiết bị di động cũng được triển khai, tạo thêm kênh kết nối người lao động và doanh nghiệp.

Cùng với đó, mô hình chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho người có công được triển khai, với tỷ lệ đối tượng có tài khoản đạt 72,7% và tỷ lệ chi trả qua tài khoản đạt 74%.

Theo kế hoạch, đến hết năm 2026, Sở Nội vụ phấn đấu trên 95% cán bộ, công chức, viên chức được phổ biến, hướng dẫn kỹ năng số cơ bản và thường xuyên sử dụng hệ thống quản lý văn bản, thư điện tử công vụ, chữ ký số chuyên dùng. 100% phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc triển khai phong trào "Bình dân học vụ số", mỗi đơn vị có ít nhất một cán bộ nòng cốt hỗ trợ kỹ năng số.

Giai đoạn 2027 - 2030, ngành Nội vụ Phú Thọ đặt mục tiêu 100% cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật, bồi dưỡng kỹ năng số hằng năm; trên 95% khai thác hiệu quả dữ liệu số phục vụ chuyên môn, từng bước ứng dụng dữ liệu số, AI và các công cụ phân tích trong quản lý, tổng hợp, báo cáo và điều hành.

Sở Nội vụ tiếp tục triển khai Kế hoạch số 15/KH-SNV ngày 28/3/2025 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và các chương trình, kế hoạch của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của ngành.

Nguồn: Bnews/vnanet.vn

QUẢNG NINH: THI ĐUA 90 NGÀY ĐÊM TĂNG TỐC, BỨT PHÁ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI

Ủy ban Nhân dân thành phố Quảng Ninh vừa ban hành Kế hoạch số 436/KH-UBND ngày 29/9/2026, phát động đợt thi đua "90 ngày đêm tăng tốc, bứt phá hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2026," bắt đầu từ ngày 01/10/2026. Đây được xác định là đợt cao điểm nhằm huy động cao nhất các nguồn lực, tập trung xử lý những nhiệm vụ còn khó khăn, tạo chuyển biến rõ nét trong những tháng cuối năm.

Động lực cho đợt thi đua này đến từ chính những kết quả đạt được trong 9 tháng đầu năm. Theo Cổng thông tin điện tử thành phố Quảng Ninh, GRDP 9 tháng năm 2026 tăng 12,54%, riêng quý 3 tăng 15,04%, thuộc nhóm dẫn đầu cả nước về tốc độ tăng trưởng. Các động lực chính của nền kinh tế như công nghiệp chế biến, chế tạo, đầu tư, thương mại, dịch vụ và du lịch đều có sự gia tăng, tạo nền tảng để thành phố tiếp tục phấn đấu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng cả năm.

Tuy nhiên, chặng đường còn lại của năm 2026 được xác định có ý nghĩa quyết định. Thành phố đặt mục tiêu tăng trưởng GRDP trên 13%, tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt trên 130.000 tỷ đồng, tổng thu ngân sách nhà nước trên 100.000 tỷ đồng, đồng thời giải ngân 100% vốn đầu tư công theo chỉ tiêu được giao. Cùng với đó là mục tiêu thành lập mới 2.500 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp đang hoạt động lên khoảng 15.200; tỷ lệ đô thị hóa trên 75% và tỷ trọng kinh tế số trong GRDP trên 12%.

Để những mục tiêu này trở thành kết quả cụ thể, thành phố xác định trọng tâm trước hết là khơi thông các nguồn lực đang bị ách tắc, nhất là đất đai, đầu tư công, giải phóng mặt bằng và các dự án chậm tiến độ. Theo thông tin được thành phố công bố, đến tháng 9, toàn thành phố có 32 dự án đang thực hiện giải phóng mặt bằng với tổng diện tích hơn 9.441ha, trong đó gần 6.100ha đã hoàn thành, đạt 64,44%. Đây là khối lượng công việc lớn, đòi hỏi sự tập trung cao trong những tháng cuối năm để bảo đảm tiến độ các dự án trọng điểm.

Cùng với giải phóng mặt bằng, thành phố đang đẩy mạnh xử lý các dự án chậm triển khai. Trong tổng số 198 dự án chậm tiến độ được rà soát, đến nay 151 dự án đã được xử lý, không còn vướng mắc; 47 dự án đã hoàn thành rà soát pháp lý và đề xuất hướng giải quyết. Riêng 69/69 dự án trên Hệ thống 751 đã hoàn thành rà soát pháp lý và xác định hướng xử lý. Quan điểm được đặt ra là những dự án đã tháo gỡ vướng mắc phải chuyển sang triển khai thực tế, tạo việc làm, tạo sản phẩm và đóng góp cho ngân sách, thay vì chỉ dừng lại ở việc hoàn tất thủ tục.

Trong đợt thi đua 90 ngày đêm, việc hỗ trợ doanh nghiệp cũng được đặt ở vị trí quan trọng. Thành phố yêu cầu tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xuất nhập khẩu và logistics; đồng thời đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, tránh tình trạng dồn việc, dồn vốn vào thời điểm cuối năm. Trước đó, thành phố đã tăng cường làm việc trực tiếp với doanh nghiệp để nắm tình hình sản xuất, đơn hàng, thị trường, lao động, thủ tục đầu tư và những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động.

Một yêu cầu đáng chú ý khác là phải biến tinh thần thi đua thành công việc cụ thể ở từng cơ quan, đơn vị và địa phương. Kế hoạch của Ủy ban Nhân dân thành phố xác định 7 nhóm nhiệm vụ trọng tâm, từ hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế-xã hội, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và dự án trọng điểm đến xây dựng bộ máy tinh gọn, cải cách hành chính, chuyển đổi số, quản lý quy hoạch, đất đai, tài nguyên, môi trường; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục; giữ vững quốc phòng-an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch.

Trong đó, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng quản trị tiếp tục được gắn với những nhiệm vụ có thời hạn cụ thể. Thành phố yêu cầu chuẩn hóa dữ liệu đất đai theo tiêu chí "đúng-đủ-sạch-sống," đồng thời hoàn thành việc lập sổ sức khỏe điện tử theo vòng đời cho 100% người dân trong năm 2026. Những nhiệm vụ này vừa phục vụ yêu cầu quản lý trước mắt, vừa tạo nền tảng cho mô hình chính quyền số và cung cấp dịch vụ công ngày càng thuận tiện hơn cho người dân, doanh nghiệp.

Điểm đáng chú ý trong cách tổ chức đợt thi đua là yêu cầu gắn trách nhiệm với kết quả cụ thể. Quá trình thực hiện phải bảo đảm "rõ việc, rõ người, rõ tiến độ, rõ sản phẩm, rõ kết quả, rõ trách nhiệm," lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu làm thước đo đánh giá mức độ hoàn thành của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu. Thành phố cũng yêu cầu tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ những khó khăn phát sinh, đồng thời phát hiện, biểu dương và nhân rộng những mô hình hay, cách làm sáng tạo, những tập thể, cá nhân có thành tích nổi bật.

Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt khi thành phố Quảng Ninh bước vào giai đoạn phát triển với không gian mới. Vì vậy, yêu cầu đặt ra trong 90 ngày cuối năm không chỉ là hoàn thành những chỉ tiêu còn lại mà còn phải tạo nền tảng cho chặng đường tiếp theo. Thành phố đang đồng thời chuẩn bị các định hướng dài hạn về mô hình tăng trưởng mới, phát triển kinh tế đô thị, kinh tế di sản, du lịch đêm, công nghiệp văn hóa, kinh tế biển hiện đại và các lĩnh vực dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và nguồn nhân lực chất lượng cao

Nguồn: vietnamplus.vn

THANH HÓA: BƯỚC CHUYỂN TỪ MÔ HÌNH "MỘT CỬA Y TẾ

Từ việc phải đi lại qua nhiều khoa, phòng để hoàn tất từng loại giấy tờ, người bệnh tại các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa nay có thể đến một đầu mối để được hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết nhiều thủ tục hành chính. Mô hình "Một cửa" đang tạo chuyển biến rõ nét trong cải cách hành chính, chuyển đổi số, hướng tới lấy người bệnh làm trung tâm phục vụ.

Từ nhiều khâu trung gian đến một đầu mối phục vụ

Giảm thời gian chờ đợi, hạn chế việc đi lại giữa nhiều khoa, phòng, đồng thời giúp người bệnh và nhân viên y tế thuận lợi hơn trong quá trình hoàn tất thủ tục hành chính là những hiệu quả bước đầu được ghi nhận từ mô hình "Một cửa" tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các chủ trương của Trung ương về cải cách hành chính, chuyển đổi số quốc gia, Sở Y tế Thanh Hóa đã yêu cầu các bệnh viện công lập trên địa bàn nghiên cứu, triển khai mô hình "Một cửa". Đây được xác định là một trong những giải pháp nhằm đổi mới phương thức phục vụ, giảm các khâu trung gian, rút ngắn thời gian chờ đợi và số lần đi lại của người bệnh.

Theo đó, các bệnh viện rà soát toàn bộ quy trình từ tiếp đón, khám bệnh, thanh toán viện phí, cấp phát thuốc, trả kết quả đến giải quyết các thủ tục hành chính. Những khâu không cần thiết được xem xét cắt giảm; các thủ tục thường xuyên phát sinh được ưu tiên giải quyết theo cơ chế "Một cửa". Tại bộ phận này, người bệnh có thể được tiếp nhận, hướng dẫn và giải quyết nhiều thủ tục liên quan đến quá trình khám, chữa bệnh như giấy khám sức khỏe, giấy khám sức khỏe lái xe, giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội, giấy chuyển viện, giấy ra viện, giấy chứng sinh, tóm tắt hồ sơ bệnh án, sao chụp hồ sơ bệnh án và một số thủ tục hành chính khác theo quy định.

Tại Bệnh viện Đa khoa Hà Trung, sau một thời gian triển khai, mô hình "Một cửa" đã từng bước phát huy hiệu quả. Thay vì phải tự tìm đến từng khoa, phòng để hỏi và hoàn thiện hồ sơ, người bệnh chỉ cần đến bộ phận "Một cửa". Cán bộ tại đây vừa tiếp nhận yêu cầu, vừa là đầu mối phối hợp với các khoa, phòng liên quan để hoàn thiện thủ tục và trả kết quả.

Bác sĩ CKI Nguyễn Thị Hà, Phó giám đốc Bệnh viện Đa khoa Hà Trung, cho biết: "Sau một thời gian triển khai, mô hình một cửa cho thấy hiệu quả rõ nét, tạo được sự hài lòng cho người bệnh. Tại bộ phận một cửa, chúng tôi bố trí đầy đủ quy trình tiếp nhận, xử lý và trả kết quả, giúp người dân thuận tiện hơn khi thực hiện các thủ tục".

Đến nay, 38/38 bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh đã triển khai mô hình "Một cửa". Việc thống nhất tổ chức một đầu mối tiếp nhận, hướng dẫn và trả kết quả không chỉ tạo thuận lợi cho người bệnh mà còn giúp các cơ sở y tế kiểm soát tốt hơn quy trình xử lý công việc.

Liên thông thủ tục, tạo nền tảng cho chuyển đổi số

Một trong những kết quả nổi bật của mô hình "Một cửa" là việc hỗ trợ thực hiện liên thông các thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi ngay tại cơ sở y tế. Theo thống kê, các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh đã hỗ trợ, hướng dẫn 2.229 trường hợp trẻ sơ sinh thực hiện các thủ tục liên thông. Người dân được nhận kết quả, giấy tờ tại bộ phận một cửa, qua đó giảm thời gian đi lại, hạn chế phát sinh chi phí và góp phần tiết kiệm hàng tỷ đồng cho người dân.

Cùng với tổ chức bộ phận "Một cửa", các bệnh viện được yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai bệnh án điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, khai thác dữ liệu dân cư và sử dụng ứng dụng VNeID nhằm giảm giấy tờ, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ. Trong quá trình này, mô hình "Một cửa" trở thành một đầu mối kết nối giữa người bệnh với hệ thống

thông tin của bệnh viện. Các yêu cầu được tiếp nhận tập trung, quá trình xử lý được phân công và kiểm soát rõ ràng hơn. Đây cũng là điều kiện để các cơ sở y tế từng bước chuẩn hóa quy trình, số hóa hồ sơ và liên thông dữ liệu.

Đối với ngành y tế, cải cách hành chính và chuyển đổi số không tách rời nhiệm vụ nâng cao chất lượng chuyên môn. Khi những thủ tục hành chính được giải quyết nhanh chóng, thuận tiện, nhân viên y tế có thêm điều kiện tập trung vào hoạt động chuyên môn, trong khi người bệnh giảm được thời gian chờ đợi và đi lại. Từ góc độ quản lý, việc tập trung các thủ tục tại một đầu mối cũng góp phần tăng tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ sở y tế. Quy trình được chuẩn hóa giúp hạn chế tình trạng người dân phải tự tìm hiểu, đi lại nhiều lần hoặc liên hệ với nhiều bộ phận để hoàn thiện cùng một hồ sơ.

Theo Tiến sĩ Lê Văn Cường, Giám đốc Sở Y tế Thanh Hóa, mô hình "Một cửa" không chỉ góp phần cải cách hành chính trong ngành y tế mà còn thể hiện sự chuyển biến trong tư duy phục vụ. Khi các quy trình được tổ chức theo hướng thuận tiện, minh bạch và lấy người bệnh làm trung tâm, chất lượng dịch vụ y tế có thêm điều kiện được nâng lên, góp phần tạo dựng niềm tin và sự hài lòng của người dân đối với hệ thống y tế công lập. Thời gian tới, ngành y tế Thanh Hóa tiếp tục xác định cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số là những nhiệm vụ trọng tâm. Việc hoàn thiện mô hình "một cửa" sẽ gắn với đẩy mạnh số hóa, liên thông dữ liệu, ứng dụng các nền tảng số và tiếp tục rà soát, đơn giản hóa các quy trình phục vụ người bệnh.

Nguồn: baothanhhoa.vn

NGHỆ AN: VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM KHO DỮ LIỆU DÙNG CHUNG

Ngày 30/9/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An công bố vận hành thử nghiệm hệ thống kho dữ liệu dùng chung. Đây là bước đi quan trọng trong quá trình chuyển đổi số của địa phương, đánh dấu sự chuyển biến từ quản lý theo phương thức truyền thống sang quản trị dựa trên dữ liệu.

Theo kết quả triển khai thử nghiệm, 8/10 lĩnh vực đã hình thành kho dữ liệu đơn vị với 148 tập dữ liệu. Ở cấp tỉnh, kho dữ liệu dùng chung đã ghi nhận 93 tập dữ liệu thuộc 21 danh mục. Kho dữ liệu cũng đã kết nối thử nghiệm với dữ liệu ngành tài chính thông qua nền tảng chia sẻ; người dùng được phân quyền có thể theo dõi, tra cứu các dữ liệu đã được cung cấp trên hệ thống.

Tỉnh Nghệ An hiện có nguồn dữ liệu phong phú trong nhiều lĩnh vực. Theo kết quả khảo sát phục vụ triển khai, ngành giáo dục có dữ liệu của 935.778 học sinh; ngành y tế phát sinh khoảng 2 triệu hồ sơ khám, chữa bệnh mỗi năm. Đây là nguồn đầu vào quan trọng để từng bước chuẩn hóa và lựa chọn dữ liệu phù hợp nhu cầu khai thác của tỉnh.

Các nguồn dữ liệu hiện được hình thành trên nhiều hệ thống, với cấu trúc, cách biểu đạt và chu kỳ cập nhật khác nhau. Khi cần tổng hợp thông tin liên ngành, cán bộ còn phải thực hiện

những bước đối chiếu, xử lý trung gian. Bài toán đặt ra là thống nhất cách hiểu về dữ liệu, xác định rõ nguồn cung cấp và tổ chức cơ chế kết nối phù hợp với từng lĩnh vực.

Kho dữ liệu dùng chung hướng tới kế thừa nguồn dữ liệu hiện có và tổ chức phần dữ liệu đủ điều kiện để phục vụ nhiều nhu cầu sử dụng. Các đơn vị chuyên ngành tiếp tục giữ trách nhiệm đối với dữ liệu thuộc phạm vi quản lý. Việc chia sẻ cần gắn với mục đích khai thác, chất lượng dữ liệu và thẩm quyền của cơ quan sử dụng.

Cụ thể, với kho dữ liệu dùng chung này, MobiFone và SunTechX (doanh nghiệp công nghệ Việt Nam) phối hợp đưa nền tảng iTitan vào triển khai thử nghiệm thông qua các công việc khảo sát nguồn dữ liệu, thiết kế cấu trúc, xây dựng danh mục, chuẩn hóa và xác định kịch bản khai thác phục vụ điều hành. Quá trình này gắn việc triển khai giải pháp công nghệ với nhu cầu nghiệp vụ của các sở, ngành.

Trong định hướng tổng thể của tỉnh, kho dữ liệu dùng chung, nền tảng điều hành thời gian thực, iNgheAn và cổng dữ liệu mở có những chức năng khác nhau. Kho dữ liệu dùng chung tổ chức nguồn dữ liệu phục vụ khai thác; các ứng dụng điều hành sử dụng dữ liệu phù hợp để tổng hợp, phân tích và hiển thị thông tin theo nhu cầu quản lý.

Sự phối hợp giữa các cơ quan của tỉnh, MobiFone và SunTechX trong giai đoạn thử nghiệm đang từng bước gắn nền tảng công nghệ với nguồn dữ liệu và nhu cầu sử dụng thực tế. Từ những kết quả ban đầu, Nghệ An có thêm cơ sở để hoàn thiện phương thức quản trị dựa trên dữ liệu, trong đó mỗi thông tin được khai thác đều hướng tới một nhiệm vụ quản lý và giá trị phục vụ cụ thể.

Nguồn: nhandan.vn

QUẢNG TRỊ: SỐ HÓA TOÀN DIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số và kiện toàn bộ máy hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, tỉnh Quảng Trị đang đổi mới phương thức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính từ tư duy "quản lý" sang "phục vụ" người dân, doanh nghiệp. Việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính, kết hợp đẩy mạnh số hóa, dịch vụ công trực tuyến đang mở ra cách làm linh hoạt, hiện đại, tiết giảm thời gian, chi phí đi lại, tạo thuận lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Xóa bỏ rào cản địa lý

Một trong những yêu cầu quan trọng đặt ra trong công tác cải cách hành chính là làm thế nào để người dân, doanh nghiệp có thể tiếp cận dịch vụ công thuận tiện nhất. Từ yêu cầu thực tiễn đó, tỉnh Quảng Trị xác định tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính là một trong những giải pháp trọng tâm, không chỉ là sự thay đổi về quy trình mà còn thể hiện sự chuyển biến trong tư duy phục vụ của nền hành chính.

Nếu trước đây người dân phải đến đúng cơ quan, đúng địa bàn nơi cư trú để thực hiện các thủ tục thì nay, với những thủ tục hành chính đủ điều kiện, người dân có thể lựa chọn nơi thực hiện thuận tiện hơn.

Theo thống kê, trong quý I/2026, toàn tỉnh có gần 600 hồ sơ được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Nhưng qua quý II, con số này tăng lên hơn 1.600 hồ sơ. Sự gia tăng liên tục cho thấy người dân đã dần làm quen và đưa ra lựa chọn phù hợp hơn.

Đặc biệt, phạm vi hồ sơ thực hiện theo phương thức này cũng ngày càng đa dạng. Nếu thời gian đầu chủ yếu tập trung ở lĩnh vực chứng thực thì nay đã mở rộng sang hộ tịch, đăng ký hộ kinh doanh, đất đai và nhiều lĩnh vực khác.

Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hồ Văn Thành cho hay, việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính là một trong những giải pháp trọng tâm để triển khai Kế hoạch hành động số 09-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Những thống kê cho thấy người dân đang thay đổi thói quen, lựa chọn nơi thuận tiện nhất để giải quyết công việc. Đây chính là ý nghĩa thiết thực của việc xây dựng nền hành chính phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

Giải quyết thủ tục hành chính "phi tiếp xúc"

Cùng với tháo gỡ rào cản về địa giới hành chính, Quảng Trị đang đẩy mạnh số hóa toàn diện hoạt động giải quyết thủ tục hành chính, từng bước đưa các giao dịch hành chính lên môi trường điện tử. Đến nay, tỉnh đã hoàn thành chuẩn hóa và cấu hình 100% quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, đồng thời kết nối, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Cùng với đó, tỉnh đẩy mạnh tái sử dụng dữ liệu điện tử, thanh toán trực tuyến, ký số, trả kết quả điện tử, qua đó từng bước hình thành quy trình giải quyết thủ tục hành chính "phi tiếp xúc".

Anh Lê Trung Anh, Giám đốc một doanh nghiệp tại xã Hoàn Lão cho hay, khi dữ liệu đã được số hóa, người dân, doanh nghiệp không phải cung cấp lại những thông tin mà cơ quan nhà nước đã có. Điều này góp phần giảm giấy tờ, rút ngắn thời gian xử lý, đồng thời việc nộp phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính trong giải quyết thủ tục hành chính thông qua hình thức chuyển khoản hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia sẽ nâng cao tính minh bạch trong quá trình giải quyết hồ sơ.

Hiệu quả của quá trình chuyển đổi số được phản ánh qua tỉ lệ hồ sơ trực tuyến ngày càng cao. Trong 6 tháng đầu năm 2026, toàn tỉnh tiếp nhận hơn 345.000 hồ sơ, trong đó có khoảng 338.000 hồ sơ được tiếp nhận trực tuyến, đạt gần 98%.

Một trong những yếu tố tạo nên hiệu quả của cải cách hành chính là dữ liệu được số hóa và có thể tái sử dụng. Năm 2025, tỉ lệ hồ sơ được cấp kết quả điện tử đạt 94,91%; tỉ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 94,81%; tỉ lệ khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa đạt 95,74%. Sang 6 tháng đầu năm 2026, các tỉ lệ này tiếp tục tăng, lần lượt đạt 95,12% và

97,58%, góp phần mở rộng giao dịch hành chính theo phương thức "phi tiếp xúc", giảm giấy tờ, giảm thời gian xử lý và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Hướng đến phục vụ người dân

Để quá trình chuyển đổi số không tạo thêm khoảng cách đối với những người chưa quen với công nghệ, tỉnh Quảng Trị đã triển khai nhiều mô hình hỗ trợ cụ thể. Mô hình Kiosk dịch vụ công được triển khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, phường giúp người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ và từng bước hình thành thói quen giao dịch trên môi trường số.

Đến nay, toàn tỉnh đã đầu tư, lắp đặt 67 thiết bị Kiosk dịch vụ công, 50 phần mềm tích hợp dịch vụ công và 6 máy scan dân dụng tại các xã, phường, đặc khu. Mô hình bước đầu phát huy hiệu quả khi đã hỗ trợ giải quyết gần 2.000 hồ sơ qua Kiosk. Một số địa phương khai thác hiệu quả như xã Diên Sanh, Cồn Tiên, Nam Cửa Việt, Vĩnh Định...

Một điểm mới khác là mô hình giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ BCCI đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp. Đây là cách làm có tính đột phá, phát huy nguồn lực xã hội trong cung ứng dịch vụ hành chính công, giảm áp lực cho đội ngũ công chức và nâng cao chất lượng phục vụ.

Thực tiễn cho thấy, từ "phi địa giới" hành chính đến "phi tiếp xúc", từ Kiosk dịch vụ công đến BCCI, những cách làm mới đang cho thấy quyết tâm của tỉnh Quảng Trị trong đổi mới phương thức hoạt động của nền hành chính.

Nguồn" baoquangtri.vn

ĐÀ NẴNG TRẢ KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐÀO TẠO LÁI XE BẰNG BẢN ĐIỆN TỬ

Từ ngày 01/10/2026, Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng thực hiện trả kết quả giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực đào tạo lái xe bằng bản điện tử có ký số.

Việc này nhằm thực hiện Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe và Công văn số 3739/UBND-SXD ngày 10/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về triển khai thực hiện Nghị định này.

Đồng thời, việc trả kết quả điện tử nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính, giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân.

Cụ thể gồm: Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; cấp giấy phép xe tập lái; cấp giấy phép đào tạo lái xe theo quy định tại Nghị định số 94/2026/NĐ-CP.

Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng cho hay, trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản giấy thì liên hệ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc cấp xã nơi đã tiếp nhận hồ sơ để được nhận bản giấy theo quy định.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có ký số do Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng cấp có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

Trường hợp cần xác thực thông tin đối với giấy chứng nhận, giấy phép điện tử, tổ chức, cá nhân có thể quét mã QR trên giấy chứng nhận, giấy phép để truy cập, tra cứu thông tin tại hệ thống cơ sở dữ liệu giao thông vận tải của thành phố Đà Nẵng.

Để nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử, tổ chức, cá nhân đăng nhập Cổng Dịch vụ công quốc gia bằng tài khoản đã sử dụng để nộp hồ sơ, tra cứu hồ sơ theo mã hồ sơ và tải kết quả dưới dạng bản điện tử có ký số để lưu trữ, sử dụng theo quy định.

Nguồn: baoxaydung.vn

KHÁNH HÒA: ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ

Khánh Hòa đặt mục tiêu đến năm 2030, Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; đồng thời tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, phục vụ người dân, doanh nghiệp, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

Theo Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030 vừa được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, công tác cải cách tập trung vào 6 nội dung gồm thể chế, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, chế độ công vụ, tài chính công và xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Trong giai đoạn 2026 - 2027, tỉnh Khánh Hòa ưu tiên hoàn thiện thể chế, sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế và doanh nghiệp nhà nước theo quy định; tiếp tục hoàn thiện cơ chế vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

Khánh Hòa phấn đấu 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được cấp dưới dạng điện tử; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt ít nhất 95%. Tỉnh cũng đặt mục tiêu đạt cấp độ 3 về mức độ trưởng thành quản trị dữ liệu và triển khai 100% nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung theo lộ trình.

Giai đoạn 2028 - 2030, tỉnh tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, chất lượng, đáp ứng yêu cầu quản trị hiện đại và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phấn đấu đạt tối thiểu 95%, riêng các lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt ít nhất 90%.

Tỉnh Khánh Hòa đồng thời đặt mục tiêu 90% dữ liệu đã số hóa được khai thác, sử dụng lại trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công; thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt tối thiểu 80%.

Về quản trị dữ liệu, tỉnh Khánh Hòa phấn đấu đạt cấp độ 4 về mức độ trưởng thành; 100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở theo đúng chuẩn. Chỉ số SIPAS đạt tối thiểu 95%; mức độ hài lòng đối với dịch vụ y tế công và giáo dục công lập đạt ít nhất 90%. Các chỉ số PAPI, DTI và PII tiếp tục được duy trì, cải thiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan ngành dọc cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cải cách hành chính hằng năm, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ và trách nhiệm thực hiện; chủ động bố trí nguồn lực, tăng cường kiểm tra và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai.

Nguồn: vnanet.vn

VĨNH LONG DẪN ĐẦU CẢ NƯỚC VỀ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP: NHỮNG CÁCH LÀM MỚI TỪ CẤP XÃ

Đạt 97,15/100 điểm, đứng đầu 34 tỉnh, thành phố về Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp, tỉnh Vĩnh Long đang đẩy mạnh cải cách hành chính bằng những giải pháp cụ thể: Cắt giảm thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và đưa dịch vụ công đến tận nhà. Những sáng kiến từ cấp xã đang góp phần đổi mới phương thức phục vụ của chính quyền địa phương hai cấp.

Dẫn đầu cả nước, lấy hiệu quả thực chất làm thước đo

Theo báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính quý III/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, địa phương đạt 97,15/100 điểm, xếp loại xuất sắc, đứng thứ nhất trong số 34 tỉnh, thành phố về Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đây là kết quả ghi nhận trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống đã kết thúc đánh giá từ ngày 29/5/2026.

Trong 5 nhóm chỉ số, Vĩnh Long có hai nhóm đạt điểm tuyệt đối, gồm công khai, minh bạch (18/18 điểm) và mức độ hài lòng (18/18 điểm). Nhóm dịch vụ trực tuyến đạt 20/22 điểm, trong đó thanh toán trực tuyến đạt 10/10 điểm; nhóm số hóa hồ sơ đạt 21,32/22 điểm và tiến độ, kết quả giải quyết đạt 19,83/20 điểm.

Kết quả này ghi nhận chuyển biến trong cải cách hành chính của Vĩnh Long sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tỉnh đã gắn việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị với đổi mới công tác quản lý, điều hành, phát triển hạ tầng số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tại Hội nghị sơ kết 1 năm 6 tháng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long Trần Văn Lâu yêu cầu các cấp ủy, chính quyền tiếp tục huy động nguồn lực, tháo gỡ những điểm nghẽn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Các ngành,

lĩnh vực cần chủ động xây dựng mô hình thí điểm hiệu quả để nhân rộng; đồng thời tập trung phát triển, chuẩn hóa, kết nối và khai thác dữ liệu, các nền tảng dùng chung.

Theo Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long, việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW không chỉ dừng lại ở ứng dụng công nghệ hay xây dựng hạ tầng số mà phải tạo ra giá trị mới cho phát triển kinh tế - xã hội. Kết quả thực hiện phải được thể hiện bằng sản phẩm cụ thể, hiệu quả thực chất, đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng của tỉnh.

Yêu cầu này đặt ra nhiệm vụ tiếp tục nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công sau khi địa phương đã đạt vị trí dẫn đầu về Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Theo báo cáo quý III/2026, toàn tỉnh tiếp nhận 380.279 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó có 357.243 hồ sơ mới. Trong số 354.961 hồ sơ đã giải quyết, có 265.544 hồ sơ trước hạn, 86.035 hồ sơ đúng hạn và 3.382 hồ sơ quá hạn, chiếm 0,95%.

Cùng kỳ, tỉnh tiếp nhận 248 phản ánh, kiến nghị về quy định và hành vi hành chính; đã xử lý 243 trường hợp, còn 5 trường hợp đang trong thời hạn giải quyết.

Những con số trên cho thấy khối lượng công việc mà hệ thống hành chính của tỉnh đang đảm nhiệm. Đồng thời, tỉ lệ hồ sơ quá hạn dù chiếm tỉ trọng nhỏ vẫn đặt ra yêu cầu tiếp tục cải thiện chất lượng giải quyết công việc, nhất là ở những lĩnh vực trực tiếp liên quan đến người dân và doanh nghiệp.

Cắt giảm thủ tục, đổi mới phương thức phục vụ từ tỉnh đến xã

Một trong những trọng tâm cải cách của tỉnh Vĩnh Long là rà soát, đơn giản hóa các thủ tục liên quan trực tiếp đến đầu tư, sản xuất kinh doanh, xây dựng, đất đai, môi trường và những nhu cầu thiết yếu của người dân.

Theo Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, thực hiện các nghị quyết của Chính phủ về phân cấp, phân quyền, cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính, địa phương đã công bố, công khai và triển khai 864 thủ tục. Trong đó, 142 thủ tục được phân cấp, 31 thủ tục được phân quyền, 258 thủ tục được cắt giảm, bãi bỏ; 46 thủ tục liên quan đến điều kiện kinh doanh được bãi bỏ và 387 thủ tục được đơn giản hóa.

Riêng theo kế hoạch của địa phương, tỉnh ban hành 13 quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa 54 thủ tục hành chính. Đến kỳ báo cáo, 42 thủ tục đã thực thi xong phương án, đạt 77,8%.

Cùng với việc đơn giản hóa thủ tục, tỉnh Vĩnh Long đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình giải quyết dựa trên dữ liệu. Qua rà soát 43 thủ tục hành chính do địa phương quy định, tỉnh xác định 8 thủ tục có thành phần hồ sơ có thể khai thác thông tin từ các cơ sở dữ liệu.

Tỉnh Vĩnh Long đã công bố các phương án tái cấu trúc quy trình thuộc lĩnh vực đất đai, đường bộ, khoa học và công nghệ. Việc khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đăng ký doanh nghiệp góp phần cắt giảm quy trình, giấy tờ và thành phần hồ sơ mà người dân, doanh nghiệp phải cung cấp.

Ở cấp xã, 124/124 xã, phường đã vận hành ổn định quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và thực hiện thủ tục không phụ thuộc địa giới hành chính. Hệ thống Trung tâm Phục vụ hành chính

công cấp xã có 813 nhân sự chuyên trách cùng 92 nhân sự từ các phòng chuyên môn được cử đến làm việc.

Việc tiếp nhận hồ sơ không phụ thuộc địa giới hành chính tạo thêm lựa chọn cho người dân khi thực hiện thủ tục, phù hợp với nơi cư trú, học tập và làm việc. Các địa phương cũng huy động lực lượng đoàn thể, tổ công nghệ số cộng đồng tham gia hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Từ trợ lý AI đến dịch vụ công tận nhà: Những sáng kiến từ cơ sở

Nếu kết quả cải cách ở cấp tỉnh được thể hiện qua số lượng thủ tục được đơn giản hóa, thời gian và chi phí tiết kiệm, thì ở cấp xã, nhiều địa phương đang triển khai những mô hình tập trung vào việc giảm thời gian chờ đợi và số lần đi lại của người dân.

Một trong những cách làm đáng chú ý là mô hình "Trợ lý AI hỏi - đáp về thủ tục hành chính" tại xã Châu Thành. Giải pháp sử dụng nền tảng NotebookLM, xây dựng cơ sở dữ liệu riêng từ các quyết định công bố thủ tục hành chính của bộ, ngành Trung ương và tỉnh Vĩnh Long.

Thay vì phải tìm kiếm trong nhiều văn bản, người dân có thể đặt câu hỏi bằng ngôn ngữ tự nhiên để tìm hiểu thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện, thời gian giải quyết, cơ quan có thẩm quyền, phí và lệ phí. Đường liên kết truy cập hệ thống được thiết kế để công khai trên trang thông tin điện tử của xã, giúp người dân, tổ chức dễ dàng tiếp cận.

Tài liệu tổng hợp mô hình của tỉnh cho thấy, giải pháp có khả năng phát triển thành ứng dụng dùng chung cho các xã, phường, hỗ trợ người dân tra cứu thủ tục nhanh chóng, hạn chế sai sót khi chuẩn bị hồ sơ.

Tại xã Tân Xuân, mô hình công khai thủ tục hành chính bằng mã QR giúp người dân chủ động tra cứu thông tin ngay trên điện thoại thông minh. Theo báo cáo của địa phương, giải pháp đã giảm 50% số lượt hỏi trực tiếp tại bộ phận một cửa, tăng 70% lượt truy cập đường dẫn thủ tục thông qua mã QR.

Trong khi đó, xã Giồng Trôm bố trí "Bàn trợ giúp nhanh" riêng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công để hỗ trợ khôi phục mật khẩu VNeID, tạo tài khoản dịch vụ công và hướng dẫn thao tác kỹ thuật. Việc tách khâu hỗ trợ khỏi quầy tiếp nhận, xử lý hồ sơ giúp công chức chuyên môn tiết kiệm từ 20-30 phút mỗi trường hợp.

Địa phương còn tổ chức lại các tổ công nghệ số cộng đồng, bố trí từ 3 đến 5 người thành thạo công nghệ tại mỗi ấp, kết hợp hỗ trợ người dân từ xa qua Zalo. Cách làm này hướng đến giảm ùn ứ tại quầy giao dịch và số lần người dân phải đi lại.

Một hướng cải cách khác là rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ. Xã Tập Sơn triển khai mô hình "Ngày thứ Năm không hẹn - Quy trình 4 tại chỗ", tiếp nhận và trả kết quả trong ngày đối với một số thủ tục thuộc lĩnh vực hộ kinh doanh, hộ tịch và chứng thực. Theo báo cáo, địa phương đã tiếp nhận, giải quyết 126 hồ sơ trong các ngày triển khai mô hình, không phát sinh hồ sơ trễ hạn thuộc phạm vi thực hiện.

Đặc biệt, cải cách hành chính tại Vĩnh Long còn hướng đến những người gặp khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ công. Tại xã Cầu Ngang, Trung tâm Phục vụ hành chính công bố trí khu vực hướng dẫn riêng cho người cao tuổi, người khuyết tật và người hạn chế khả năng sử

dụng công nghệ. Với những trường hợp không thể trực tiếp đến trung tâm, công chức được phân công đến tận nhà hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục. Địa phương báo cáo đã hỗ trợ tại nhà 4 trường hợp.

Những mô hình này góp phần cụ thể hóa chủ trương của tỉnh về đổi mới phương thức phục vụ. Tuy nhiên, báo cáo quý III của UBND tỉnh cũng chỉ rõ, Cổng Dịch vụ công quốc gia và hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tập trung của một số bộ, ngành vẫn còn chậm; việc đồng bộ dữ liệu đôi lúc phát sinh lỗi, ảnh hưởng đến quá trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ.

Vị trí dẫn đầu cả nước về Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp là kết quả đã được Vĩnh Long ghi nhận tại thời điểm đánh giá. Nhưng thước đo lâu dài vẫn là chất lượng giải quyết từng hồ sơ, thời gian và chi phí người dân phải bỏ ra. Từ những mô hình trợ lý AI, giải quyết thủ tục trong ngày đến hỗ trợ người dân tại nhà, việc duy trì, hoàn thiện và nhân rộng các sáng kiến hiệu quả sẽ góp phần tạo chuyển biến thực chất trong hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp.

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐỒNG NAI: KẾT NỐI DỮ LIỆU, LIÊN THÔNG HỆ THỐNG

Không chỉ dừng lại ở số hóa hồ sơ, thành phố Đồng Nai đang tập trung kết nối các hệ thống, chia sẻ và khai thác dữ liệu dùng chung. Từ giải quyết thủ tục hành chính đến phục vụ người dân, doanh nghiệp, dữ liệu đang từng bước trở thành nguồn thông tin quan trọng trong hoạt động quản lý, điều hành.

Giảm chi phí, bớt giấy tờ

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai, trong quý III/2026, thành phố Đồng Nai tiếp tục vận hành trục liên thông để kết nối, chia sẻ các ứng dụng dùng chung. Trung tâm Giám sát, điều hành (IOC) thành phố đã tích hợp, đồng bộ 121 nhóm dữ liệu từ 16 sở, ngành và 5 đơn vị ngành dọc; đồng thời thiết lập gần 90 kênh kết nối tự động cùng hàng trăm biểu mẫu, công cụ hỗ trợ báo cáo và cập nhật dữ liệu số. Cùng với đó, 100% cơ quan Đảng, Nhà nước từ thành phố đến cấp xã đã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm 100% hồ sơ hành chính được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng.

Việc khai thác, sử dụng dữ liệu đã giúp thay thế thành phần hồ sơ bằng giấy đối với 442 thủ tục hành chính. Thực hiện các quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, thành phố đã ghi nhận những kết quả tích cực về số lượng hồ sơ được xử lý cũng như chi phí tiết kiệm cho xã hội.

Những kết quả nêu trên cho thấy dữ liệu đang được đưa vào quy trình giải quyết thủ tục hành chính, thay vì chỉ được lưu trữ tại từng hệ thống riêng lẻ. Khi thông tin về dân cư, doanh nghiệp và các lĩnh vực chuyên ngành được kết nối, cán bộ có thể khai thác lại dữ liệu đã có để xử lý hồ sơ, giảm yêu cầu người dân cung cấp lại giấy tờ. Đây cũng là cơ sở để các cơ quan

tiếp tục chuẩn hóa quy trình xử lý trên môi trường số, nâng cao hiệu quả khai thác các hệ thống và kho dữ liệu đã được đầu tư.

Đảm bảo liên thông thông suốt

Bên cạnh kết nối nội bộ, thành phố duy trì hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Từ ngày 11/8 đến 10/9/2026, hệ thống đã thực hiện gần 140 ngàn lượt tra cứu, khai thác thông tin công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Tuy nhiên, thực tế vận hành cho thấy hiệu quả của việc tái sử dụng dữ liệu phụ thuộc lớn vào khả năng kết nối, đồng bộ giữa các hệ thống. Khi xảy ra lỗi kết nối hoặc đồng bộ, việc tra cứu, theo dõi trạng thái hồ sơ, thanh toán trực tuyến và thống kê có thể bị ảnh hưởng. Vì vậy, cùng với mở rộng các cơ sở dữ liệu, yêu cầu đặt ra là bảo đảm các hệ thống trao đổi dữ liệu ổn định, thống nhất và an toàn.

Tại báo cáo cải cách hành chính quý III/2026, Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai chỉ ra hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của một số bộ, ngành vẫn chậm, mất kết nối; việc đồng bộ trạng thái hồ sơ, đính kèm kết quả hay thanh toán trực tuyến lên Cổng Dịch vụ công quốc gia có thời điểm bị lỗi, ảnh hưởng đến tra cứu và thống kê.

Nhằm kịp thời tháo gỡ các vướng mắc kỹ thuật và nâng cao hiệu quả liên thông dữ liệu, vừa qua, Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai đã ban hành văn bản chỉ đạo về triển khai các nhiệm vụ về dữ liệu, hạ tầng và Cổng Dịch vụ công quốc gia. Theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các xã, phường quán triệt chỉ đạo của Trung tâm Dữ liệu quốc gia; chủ động theo dõi tiến độ kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành Trung ương và kịp thời tham mưu xử lý các vấn đề phát sinh.

Trọng tâm là triển khai hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính vào quy trình tiếp nhận, xử lý, theo dõi và giám sát hồ sơ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; tiếp tục tổ chức thực hiện Luật Dữ liệu và các văn bản hướng dẫn thi hành; thường xuyên rà soát, xác định khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai để kịp thời báo cáo, đề xuất phương án xử lý; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên hệ thống phản ánh, kiến nghị quốc gia và Tổng đài 1022, không để xảy ra tình trạng quá hạn.

Nguồn: baodongnai.com.vn

ĐỒNG THÁP: ĐẨY MẠNH SỐ HÓA DỮ LIỆU, PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN TRÊN NỀN TẢNG VNEID

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp yêu cầu thủ trưởng các sở, ngành, địa phương phải xác định "kết quả phải là sản phẩm cuối cùng", phục vụ người dân, doanh nghiệp, góp phần cải cách thủ tục hành chính và thúc đẩy chuyển đổi số.

Theo dõi sát tiến độ, làm sạch dữ liệu

Theo ông Nguyễn Thanh Nhàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, đến nay, tỷ lệ tích hợp thẻ bảo hiểm y tế, tài khoản an sinh xã hội còn thấp; việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tuột hạng; dữ liệu chuyên ngành liên quan mã số thuế, doanh nghiệp chưa được tập trung làm sạch để phục vụ cấp định danh tổ chức.

Tính đến cuối tháng 9/2026, toàn tỉnh Đồng Tháp có gần 2 triệu công dân từ 6 tuổi trở lên tích hợp thẻ bảo hiểm y tế trên VNeID, đạt 51,03%; hơn 778.000 công dân từ 15 tuổi trở lên tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên VNeID, đạt 23,03%.

Trong công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, Đồng Tháp đã hoàn thành đối với hơn 1,4 triệu thửa đất, còn hơn 1,2 triệu thửa đang tiếp tục thực hiện. Tỉnh đã đồng bộ dữ liệu thửa đất của 102/102 đơn vị hành chính cấp xã, với tổng số hơn 1,4 triệu thửa đất về Trung ương, xếp thứ 16/34 tỉnh, thành phố.

Đối với định danh tổ chức, toàn tỉnh có 13.757 tài khoản, gồm 11.185 tài khoản định danh doanh nghiệp, đạt 72,54%; 2.247 tài khoản định danh đơn vị hành chính sự nghiệp, đạt 82,16% và 325 tài khoản định danh hợp tác xã, đạt 59,19%.

Thiếu tướng Lâm Phước Nguyên, Giám đốc Công an tỉnh Đồng Tháp, đề nghị các sở, ngành có chức năng cấp giấy tờ chủ trì, phối hợp ủy ban nhân dân các xã, phường và đơn vị liên quan tham mưu thực hiện tích hợp các loại giấy tờ trên VNeID, giúp người dân khai thác các tiện ích từ dữ liệu số, từng bước thay thế giấy tờ truyền thống. Công an tỉnh chịu trách nhiệm thu nhận, kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID mức 2, tạo điều kiện để người dân tích hợp giấy tờ và khai thác các tiện ích số.

Công an tỉnh Đồng Tháp tiếp tục phát huy vai trò Thường trực Tổ Công tác triển khai Đề án 06, cải cách hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 trên địa bàn tỉnh; theo dõi, đôn đốc các sở, ngành triển khai những nhiệm vụ còn chậm tiến độ.

Hằng ngày, Công an tỉnh thống kê số liệu tích hợp thẻ bảo hiểm y tế, tài khoản an sinh xã hội để phục vụ lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Khu vực 13 và ủy ban nhân dân các xã, phường theo dõi, chỉ đạo.

Cùng với đó, Công an tỉnh phối hợp cung cấp thông tin liên quan đến công dân, phục vụ tạo lập, cập nhật Sổ sức khỏe điện tử, tài khoản an sinh xã hội trên VNeID; làm sạch dữ liệu chuyên ngành, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số, cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tập trung các nhiệm vụ trọng tâm

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương phải xác định "kết quả phải là sản phẩm cuối cùng", không phải là kế hoạch, văn bản chỉ đạo hay giải pháp được nêu ra khi phát biểu. Sản phẩm tạo ra phải phục vụ người dân, doanh nghiệp, góp phần cải cách thủ tục hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Sở Y tế, ủy ban nhân dân các xã, phường tập trung khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân; hướng dẫn công dân tích hợp thẻ bảo hiểm y tế trên VNeID để tạo lập, cập nhật Sổ sức khỏe trên VNeID đạt 90%.

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các nhà mạng viễn thông nhắn tin đến số điện thoại của công dân, yêu cầu thực hiện tích hợp thẻ bảo hiểm y tế trên VNeID. Sở Giáo dục và Đào tạo, ủy ban nhân dân các xã, phường theo phân cấp quản lý các cơ sở giáo dục phải bảo đảm 100% học sinh từ 6 tuổi trở lên có tài khoản định danh điện tử VNeID mức 2 và tích hợp thành công thẻ bảo hiểm y tế trên VNeID.

Đối với cơ sở dữ liệu đất đai, ủy ban nhân dân các xã, phường khẩn trương thu thập bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các trường hợp cần thu thập; phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai rà soát, làm sạch thông tin chủ thửa đất sai lệch với dữ liệu dân cư. Sở Nông nghiệp và Môi trường tập trung số hóa hồ sơ đất đai, đẩy nhanh đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ địa chính và thường xuyên báo cáo tiến độ thực hiện.

Ủy ban nhân dân các xã, phường khẩn trương rà soát toàn bộ doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị hành chính sự nghiệp đủ điều kiện, yêu cầu người đứng đầu thực hiện định danh điện tử tổ chức; phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý những trường hợp dữ liệu chưa sạch, vướng mắc về nghiệp vụ.

Đối với tích hợp giấy tờ trên VNeID, ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai các giải pháp phù hợp, bảo đảm công dân có tài khoản định danh điện tử mức 2 tích hợp đầy đủ các thông tin, giấy tờ thiết yếu theo quy định; đồng thời tuyên truyền, hướng dẫn người dân tích hợp các giấy tờ trên VNeID để từng bước thay thế giấy tờ truyền thống.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp giao Công an tỉnh tiếp tục tổ chức thu nhận, kích hoạt tài khoản định danh điện tử, phấn đấu 100% công dân đủ điều kiện trên địa bàn có tài khoản định danh điện tử trước tháng 2/2027.

Nguồn: cand.vn

CÀ MAU: BAN HÀNH ÁP DỤNG THANG ĐIỂM 100 ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Từ ngày 30/9/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau sẽ áp dụng Quyết định 187/2026/QĐ-UBND về tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, theo thang điểm 100. Quy định mới chú trọng kết quả thực hiện nhiệm vụ, cải cách hành chính, chuyển đổi số, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và trách nhiệm trong thực thi công vụ.

Theo quy định, đối tượng áp dụng gồm cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc ủy ban nhân dân tỉnh; phòng và tương đương thuộc sở; ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc ủy ban nhân dân cấp xã.

Việc đánh giá được thực hiện theo thang điểm 100, gồm 30 điểm tiêu chí chung và 70 điểm về kết quả thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, nhóm tiêu chí chung tập trung đánh giá việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của cấp trên; năng lực xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch; quản lý, sử dụng công chức theo vị trí

việc làm; kỷ luật, kỷ cương hành chính; cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Đối với nhóm 70 điểm về kết quả thực hiện nhiệm vụ sẽ có 30 điểm được dành cho tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác năm và các nhiệm vụ phát sinh.

Theo đó, cơ quan hoàn thành 100% nhiệm vụ đúng hạn, trong đó có ít nhất 30% nhiệm vụ hoàn thành vượt tiến độ, được chấm tối đa 15 điểm về tiến độ. Tiêu chí chất lượng, hiệu quả công việc được chấm tối đa 10 điểm và kết quả giải ngân vốn đầu tư công tối đa 5 điểm.

Các tiêu chí còn lại tập trung đánh giá kết quả thể chế hóa chủ trương, chính sách, pháp luật; hoạt động quản lý, điều hành và tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế; phối hợp liên ngành, liên vùng; chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Quy định cũng đánh giá trực tiếp kết quả giải quyết thủ tục hành chính, đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp, qua đó gắn kết quả xếp loại cơ quan với chất lượng phục vụ và hiệu quả thực thi công vụ.

Các yêu cầu về cải cách hành chính và chuyển đổi số cũng được lượng hóa bằng điểm số cụ thể, nhằm đánh giá thực chất hơn kết quả hoạt động của cơ quan hành chính.

Đối với nhiệm vụ đơn giản hóa thủ tục hành chính, cơ quan hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao, thực hiện đầy đủ phương án cắt giảm, đơn giản hóa và có kết quả giảm thời gian hoặc chi phí thực hiện thủ tục cho người dân, doanh nghiệp được chấm tối đa 3 điểm.

Trong giải quyết thủ tục hành chính, cơ quan có tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt từ 70% trở lên được chấm tối đa 2 điểm.

Cách lượng hóa này đặt yêu cầu các cơ quan không chỉ hoàn thành nhiệm vụ trên hồ sơ mà phải thể hiện bằng kết quả cụ thể, nhất là mức độ thuận tiện, giảm thời gian, chi phí và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Theo quy định, các phòng và tương đương thuộc sở, thuộc ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tự đánh giá và đề xuất mức xếp loại. Sở và ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, công nhận kết quả đối với các phòng, tổ chức tương đương thuộc phạm vi quản lý; đồng thời tự đánh giá, đề xuất mức xếp loại của cơ quan mình theo quy định.

Việc ban hành bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại theo thang điểm 100 tạo cơ sở để các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thực hiện đánh giá theo tiêu chí thống nhất, gắn kết quả xếp loại với chất lượng thực hiện nhiệm vụ, cải cách hành chính, chuyển đổi số và hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: daibieunhandan.vn

QUẢN LÝ CÔNG CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC - TỪ ĐỔI MỚI TƯ DUY ĐẾN HOÀN THIỆN THỂ CHẾ

Trong bối cảnh cải cách nền công vụ và xây dựng nền hành chính hiện đại, quản lý công chức theo vị trí việc làm đã trở thành xu hướng tất yếu ở nhiều quốc gia nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Khác với mô hình quản lý truyền thống dựa chủ yếu vào biên chế, ngạch và thâm niên công tác, quản lý theo vị trí việc làm lấy yêu cầu của công việc, năng lực thực thi và kết quả hoàn thành nhiệm vụ làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá và phát triển đội ngũ công chức. Đây là sự chuyển đổi quan trọng trong tư duy quản trị nguồn nhân lực công, phù hợp với yêu cầu quản trị công hiện đại.

Ở Việt Nam, chủ trương đổi mới quản lý công chức theo vị trí việc làm đã được thể chế hóa trong Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành được ban hành từ năm 2008 cho đến nay. Đặc biệt, trong bối cảnh thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia thì yêu cầu tiếp tục nghiên cứu, rà soát, xác định lại vị trí việc làm phù hợp với mô hình tổ chức mới trở nên cấp thiết. Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 361/2025/NĐ-CP về vị trí việc làm công chức đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để tiếp tục hoàn thiện quản lý công chức theo vị trí việc làm trong giai đoạn mới.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về vị trí việc làm và quản lý công chức, song phần lớn được thực hiện trên cơ sở các quy định trước đây hoặc tập trung vào khía cạnh xác định danh mục vị trí việc làm. Trong bối cảnh tổ chức bộ máy hành chính đang được sắp xếp, kiện toàn và khuôn khổ pháp lý về vị trí việc làm có nhiều thay đổi, việc nghiên cứu những vấn đề đặt ra trong quản lý công chức theo vị trí việc làm và đề xuất các giải pháp hoàn thiện có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

Bài viết tập trung phân tích sự chuyển đổi trong tư duy quản lý công chức theo vị trí việc làm ở Việt Nam; làm rõ những điểm mới của chính sách về vị trí việc làm trong bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy; đồng thời đề xuất một số định hướng nhằm tiếp tục hoàn thiện quản lý công chức theo vị trí việc làm, góp phần xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

1. Sự chuyển đổi tư duy quản lý công chức theo vị trí việc làm ở Việt Nam

1.1. Từ quản lý theo biên chế đến quản lý theo vị trí việc làm

Trong một thời gian dài, quản lý công chức ở Việt Nam chủ yếu được thực hiện theo mô hình hành chính truyền thống, lấy biên chế, ngạch công chức và thâm niên công tác làm nền tảng. Mô hình này phù hợp với giai đoạn nền hành chính vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, khi mục tiêu chủ yếu là bảo đảm tính ổn định của bộ máy và duy trì đội ngũ công

chức phục vụ quản lý nhà nước. Trong mô hình này, ngạch công chức phản ánh trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và là căn cứ để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, nâng ngạch và trả lương.

Mặc dù góp phần bảo đảm tính thống nhất và ổn định, song mô hình quản lý theo biên chế đã bộc lộ nhiều hạn chế trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, như: việc phân bổ biên chế dựa trên quy mô tổ chức hoặc chỉ tiêu được giao chưa gắn chặt với khối lượng, tính chất và mức độ phức tạp thực tế của công việc; cơ chế đánh giá công chức còn nặng về hình thức, mang tính bình quân, chưa lượng hóa được hiệu quả thực hiện công vụ, dẫn đến tình trạng khó phân biệt các mức độ hoàn thành nhiệm vụ khác nhau (khó đánh giá, xếp loại chính xác). Điều này làm giảm động lực phấn đấu, hạn chế khả năng thu hút và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao; việc bố trí công chức chưa căn cứ vào yêu cầu thực tế mà chủ yếu dựa trên ngạch hoặc cơ cấu tổ chức hiện có. Hệ quả là xảy ra tình trạng có nơi thừa biên chế nhưng thiếu việc làm phù hợp, hiệu quả hoạt động thấp, trong khi nhiều lĩnh vực mới phát sinh lại thiếu nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp; thiếu sự linh hoạt khi tổ chức bộ máy thay đổi hoặc xuất hiện các nhiệm vụ mới, việc điều chỉnh nhân sự gặp nhiều khó khăn do thiếu cơ chế quản lý dựa trên công việc.

Bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cải cách hành chính, hội nhập quốc tế đã đặt ra yêu cầu đổi mới căn bản phương thức quản lý công chức. Điểm cốt lõi của sự đổi mới là chuyển từ quản lý con người theo biên chế sang quản lý công việc, năng lực và kết quả thực thi nhiệm vụ.

Sự xuất hiện của khái niệm "vị trí việc làm" trong Luật Cán bộ, công chức năm 2008 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy quản lý công vụ ở Việt Nam. Vị trí việc làm được xác định là công việc gắn với chức danh, chức vụ, cơ cấu và ngạch công chức để làm căn cứ xác định số lượng người làm việc và bố trí công chức. Đây không chỉ là sự bổ sung quy định mới về mặt pháp lý mà còn phản ánh quá trình tiếp cận các nguyên lý quản trị công hiện đại, biến vị trí việc làm trở thành hạt nhân của toàn bộ hoạt động quản lý nguồn nhân lực công.

Hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Cán bộ, công chức từ năm 2008 cho đến nay đã từng bước cụ thể hóa cách thức xác định vị trí việc làm, xây dựng bản mô tả công việc, khung năng lực và cơ cấu ngạch công chức. Trong bối cảnh thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, vị trí việc làm đã trở thành công cụ quan trọng để cơ cấu lại đội ngũ công chức, chuyển trọng tâm từ kiểm soát số lượng biên chế sang xác định đúng công việc, bố trí đúng người, đánh giá đúng kết quả và phát triển năng lực của công chức.

1.2. Vị trí việc làm - Nền tảng của quản trị nguồn nhân lực công hiện đại

Quản trị công hiện đại hướng đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực công thông qua quản lý theo kết quả thực hiện công việc, tăng cường trách nhiệm giải trình và sử dụng hiệu quả nguồn lực. Theo cách tiếp cận này, mỗi vị trí việc làm được xác định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, có bản mô tả công việc, khung năng lực, phạm vi trách nhiệm, quyền hạn và kết quả đầu ra rõ ràng. So với phương thức quản lý truyền thống, quản

lý theo vị trí việc làm có các ưu điểm nổi bật và đóng vai trò trung tâm trong nền công vụ hiện đại, đó là:

Thứ nhất, giúp chuẩn hóa và tối ưu hóa quản trị nhân sự. Xác định vị trí việc làm xuất phát từ việc phân tích mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ tổng thể của cơ quan, tổ chức nhằm hình thành các nhóm nhiệm vụ cụ thể có mối liên hệ chặt chẽ, tránh bỏ sót hoặc chồng chéo nhiệm vụ. Mô hình này giúp xác định rõ số lượng người làm việc cần thiết, hạn chế tình trạng bố trí công chức theo cảm tính hoặc theo chỉ tiêu biên chế áp đặt; tạo cơ sở để thực hiện đồng bộ, chuẩn hóa và nâng cao tính minh bạch trong các hoạt động tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đào tạo, quy hoạch và bổ nhiệm công chức theo yêu cầu thực tế của cơ quan, đơn vị.

Thứ hai, chuyển trọng tâm sang quản lý kết quả đầu ra và tăng cường trách nhiệm giải trình. Kết quả thực hiện nhiệm vụ và mức độ hoàn thành mục tiêu của vị trí việc làm trở thành tiêu chí đánh giá cốt lõi thay vì dựa trên quá trình thực hiện công vụ hay tiêu chuẩn ngạch chung chung, qua đó tạo động lực thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và nâng cao chất lượng thực thi công vụ. Khi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi vị trí việc làm được xác định rõ, trách nhiệm của người đảm nhiệm cũng được cụ thể hóa. Cơ chế này giúp hạn chế tình trạng đùn đẩy trách nhiệm và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động công vụ.

Thứ ba, làm cơ sở xây dựng khung năng lực và cải cách chính sách tiền lương. Thay vì quy định tiêu chuẩn chung cho từng ngạch công chức thì mỗi vị trí việc làm được xác định yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm và phẩm chất nghề nghiệp. Đây là căn cứ để tuyển dụng đúng người, bố trí đúng việc và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu thực tế, đồng thời, tạo tiền đề triển khai cải cách chính sách tiền lương theo tinh thần các nghị quyết của Đảng về cải cách tiền lương khu vực công. Khi yêu cầu, mức độ phức tạp và trách nhiệm của từng vị trí được xác định rõ, việc trả lương sẽ được thực hiện theo vị trí việc làm, chức danh và kết quả thực hiện nhiệm vụ thay vì phụ thuộc vào thâm niên hay ngạch công chức.

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia và xây dựng Chính phủ số, cũng như sự bùng nổ của công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), AI tạo sinh (Generative AI), dữ liệu lớn (big data), điện toán đám mây (cloud HRM), chuỗi khối (blockchain), internet vạn vật (IoT), phân tích dữ liệu nhân sự (People Analytics), Nền tảng học tập thông minh... đã và đang làm thay đổi mạnh mẽ phương thức thực thi công vụ. Nhiều quy trình xử lý công việc truyền thống được tự động hóa, việc xử lý hồ sơ, dữ liệu, cung ứng dịch vụ công ngày càng hiệu quả dựa trên nền tảng số và sự chia sẻ thông tin, dữ liệu. Quá trình chuyển đổi số cũng làm xuất hiện những vị trí việc làm mới liên quan đến năng lực quản trị dữ liệu, an toàn thông tin, vận hành nền tảng số, ngược lại, một số vị trí việc làm thực hiện công việc mang tính lặp lại có xu hướng giảm hoặc tái cấu trúc. Dữ liệu về vị trí việc làm cũng đòi hỏi được số hóa và tích hợp đồng bộ với cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức nhằm quản trị nhân lực khu vực công theo thời gian thực, hỗ trợ công tác dự báo nhu cầu nhân lực, quy hoạch đội ngũ công chức và nâng cao chất lượng ra quyết định của các cấp lãnh đạo.

Có thể thấy, quản lý công chức theo vị trí việc làm không chỉ là công cụ kỹ thuật để xác định số lượng người làm việc mà đã trở thành nền tảng vững chắc của quản trị nguồn nhân

lực công hiện đại. Việc hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, sử dụng hiệu quả nguồn lực công, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, trách nhiệm, hoạt động vì người dân và doanh nghiệp, tạo tiền đề xây dựng đội ngũ công chức có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

2. Hoàn thiện thể chế về vị trí việc làm trong bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước - tiếp cận từ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP

2.1. Bối cảnh ban hành Nghị định số 361/2025/NĐ-CP

Nghị định số 361/2025/NĐ-CP về vị trí việc làm công chức ban hành trong bối cảnh Việt Nam đang triển khai mạnh mẽ chủ trương tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả. Quá trình hợp nhất, sáp nhập nhiều cơ quan hành chính ở trung ương và địa phương đã làm thay đổi đáng kể chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và phạm vi quản lý của các cơ quan nhà nước. Điều này dẫn đến yêu cầu phải rà soát và xác định lại hệ thống vị trí việc làm nhằm bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức mới.

Bên cạnh yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy, quá trình chuyển đổi số quốc gia cũng đang làm thay đổi phương thức quản trị công. Nhiều quy trình nghiệp vụ được số hóa, dữ liệu trở thành nguồn lực quan trọng trong quản lý nhà nước, trong khi yêu cầu về kỹ năng số, năng lực phân tích và khả năng phối hợp liên ngành của đội ngũ công chức ngày càng cao. Vì vậy, hệ thống vị trí việc làm không thể tiếp tục được xây dựng theo cách tiếp cận tĩnh mà cần được thiết kế linh hoạt, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường quản trị hiện đại.

Trong bối cảnh đó, Nghị định số 361/2025/NĐ-CP không chỉ thay thế các quy định trước đây về vị trí việc làm mà còn thể hiện bước phát triển mới trong tư duy quản lý công chức, chuyển mạnh từ quản lý biên chế sang quản lý nguồn nhân lực dựa trên yêu cầu của công việc và năng lực thực thi công vụ.

2.2. Những điểm mới trong xác định vị trí việc làm

So với Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, điểm mới nổi bật của Nghị định số 361/2025/NĐ-CP là việc xác định vị trí việc làm được đặt trong tổng thể quá trình đổi mới tổ chức bộ máy. Nếu trước đây việc xây dựng vị trí việc làm chủ yếu dựa trên chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của từng cơ quan thì nay việc xác định vị trí việc làm còn phải phản ánh sự thay đổi của mô hình tổ chức sau sắp xếp, bảo đảm không duy trì các vị trí trung gian hoặc những công việc không còn phù hợp.

Nghị định số 361/2025/NĐ-CP cũng nhấn mạnh yêu cầu rà soát toàn diện chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị trước khi xác định vị trí việc làm. Điều này khắc phục tình trạng sao chép hoặc kế thừa máy móc danh mục vị trí việc làm từ mô hình tổ chức cũ, đồng thời tạo điều kiện để cơ quan hành chính cơ cấu lại nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn, giảm chồng chéo và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Một điểm đáng chú ý khác là việc xác định vị trí việc làm ngày càng gắn chặt với mô tả công việc và kết quả đầu ra. Đây là bước chuyển quan trọng từ tư duy quản lý dựa trên đầu

vào sang quản lý theo hiệu quả thực thi công vụ. Mỗi vị trí việc làm không chỉ xác định nhiệm vụ phải thực hiện mà còn hướng tới việc xác định sản phẩm công việc, trách nhiệm và tiêu chí đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ.

2.3. Đổi mới trong phân cấp quản lý vị trí việc làm

Một nội dung có ý nghĩa quan trọng của Nghị định số 361/2025/NĐ-CP là mở rộng phân cấp và tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức trong quản lý vị trí việc làm. Nếu như trước đây việc xây dựng, điều chỉnh danh mục vị trí việc làm phụ thuộc nhiều vào quá trình thẩm định tập trung thì hiện nay các cơ quan được trao quyền chủ động hơn trong việc rà soát, đề xuất điều chỉnh vị trí việc làm trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao. Cách tiếp cận này phù hợp với xu hướng quản trị hiện đại, trong đó quyền tự chủ về tổ chức và nhân sự phải đi đôi với trách nhiệm giải trình về hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực.

Việc tăng cường phân cấp còn giúp rút ngắn thời gian điều chỉnh vị trí việc làm khi có sự thay đổi về tổ chức hoặc phát sinh nhiệm vụ mới. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh quá trình chuyển đổi số và cải cách hành chính đang tạo ra nhiều yêu cầu quản lý mới mà mô hình tổ chức truyền thống khó có thể đáp ứng kịp thời.

Tuy nhiên, việc mở rộng quyền chủ động cũng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với năng lực của bộ phận tổ chức cán bộ và người đứng đầu cơ quan. Nếu thiếu phương pháp phân tích công việc hoặc thiếu hệ thống dữ liệu đáng tin cậy, việc xác định vị trí việc làm vẫn có thể mang tính chủ quan, ảnh hưởng đến chất lượng quản lý công chức.

2.4. Tăng cường mối liên hệ giữa vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức

Một điểm mới quan trọng nữa của Nghị định số 361/2025/NĐ-CP là tiếp tục khẳng định vị trí việc làm là cơ sở để xác định cơ cấu ngạch công chức. Đây là sự thay đổi có ý nghĩa quan trọng bởi trong nhiều năm, việc xác định cơ cấu ngạch ở một số cơ quan vẫn chịu ảnh hưởng khá lớn của cơ cấu tổ chức hoặc tình trạng đội ngũ hiện có hơn là yêu cầu thực tế của công việc. Theo cách tiếp cận mới, việc xác định cơ cấu ngạch phải xuất phát từ mức độ phức tạp của từng vị trí việc làm, yêu cầu về trình độ chuyên môn, năng lực và phạm vi trách nhiệm của công chức. Những vị trí có chức năng hoạch định chính sách, xây dựng thể chế hoặc quản lý các lĩnh vực chuyên môn phức tạp cần được bố trí công chức ở các ngạch cao hơn, trong khi các vị trí thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ hoặc nghiệp vụ đơn giản có thể bố trí ở các ngạch phù hợp.

Việc gắn cơ cấu ngạch công chức với vị trí việc làm không chỉ góp phần sử dụng hiệu quả đội ngũ công chức mà còn tạo cơ sở để chuẩn hóa hoạt động tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, đánh giá và quy hoạch cán bộ theo hướng dựa trên năng lực thực tế thay vì chủ yếu dựa vào thâm niên công tác.

2.5. Ý nghĩa của Nghị định số 361/2025/NĐ-CP đối với đổi mới quản lý công chức

Từ góc độ quản trị công, có thể nhận thấy Nghị định số 361/2025/NĐ-CP không đơn thuần là văn bản hướng dẫn kỹ thuật về vị trí việc làm mà phản ánh sự thay đổi trong tư duy quản lý nguồn nhân lực công ở Việt Nam.

Thứ nhất, Nghị định số 361/2025/NĐ-CP góp phần chuyển trọng tâm quản lý công chức từ kiểm soát biên chế sang quản lý theo hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Khi vị trí việc làm được xác định rõ và gắn với kết quả đầu ra, việc sử dụng công chức sẽ hướng nhiều hơn đến năng suất và chất lượng thực thi công vụ.

Thứ hai, Nghị định số 361/2025/NĐ-CP tạo nền tảng cho việc cơ cấu lại đội ngũ công chức phù hợp với quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy. Việc rà soát vị trí việc làm giúp loại bỏ những công việc trùng lặp, giảm tầng nấc trung gian và bố trí nguồn nhân lực theo đúng yêu cầu của mô hình tổ chức mới.

Thứ ba, việc chuẩn hóa vị trí việc làm góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị nguồn nhân lực công. Khi dữ liệu về vị trí việc làm, khung năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ được số hóa, các cơ quan có điều kiện xây dựng cơ sở dữ liệu nhân sự thống nhất, hỗ trợ phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực và nâng cao chất lượng ra quyết định quản lý.

Tuy nhiên, để Nghị định số 361/2025/NĐ-CP phát huy hiệu quả trên thực tế, cần tiếp tục hoàn thiện phương pháp phân tích công việc, xây dựng khung năng lực thống nhất cho từng nhóm vị trí việc làm và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu số về công chức. Đồng thời, việc xác định vị trí việc làm cần được gắn kết chặt chẽ với cải cách chế độ tiền lương, đánh giá công chức theo kết quả thực hiện nhiệm vụ và cơ chế quản trị dựa trên hiệu quả hoạt động của cơ quan. Chỉ khi đó, vị trí việc làm mới thực sự trở thành nền tảng của quản trị nguồn nhân lực công hiện đại, góp phần xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và hiệu quả.

3. Những vấn đề đặt ra trong quản lý công chức theo vị trí việc làm ở Việt Nam hiện nay

Mặc dù các văn bản quy phạm pháp luật về vị trí việc làm đã từng bước được hoàn thiện và việc xác định vị trí việc làm đã được triển khai trong hầu hết các cơ quan hành chính nhà nước, song thực tiễn thực hiện cho thấy vẫn còn nhiều hạn chế ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý công chức. Những hạn chế này không chỉ xuất phát từ khuôn khổ pháp lý mà còn liên quan đến phương thức tổ chức thực hiện, năng lực quản trị của cơ quan sử dụng công chức và những tác động của quá trình cải cách hành chính, chuyển đổi số.

3.1. Việc xác định vị trí việc làm ở một số nơi vẫn mang tính hình thức

Mục tiêu của quản lý theo vị trí việc làm là xác định đúng nhu cầu công việc, làm cơ sở cho tuyển dụng, bố trí, sử dụng và phát triển đội ngũ công chức. Tuy nhiên, trên thực tế, tại không ít cơ quan, việc xây dựng danh mục vị trí việc làm vẫn chủ yếu nhằm đáp ứng yêu cầu hoàn thiện hồ sơ theo quy định hơn là phục vụ quản trị nguồn nhân lực. Một số cơ quan xây dựng vị trí việc làm dựa trên cơ cấu tổ chức hoặc số lượng biên chế hiện có mà chưa tiến hành phân tích đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quy trình xử lý công việc. Do đó, bản mô tả vị trí việc làm giữa các đơn vị có nhiều nội dung giống nhau, chưa phản ánh đúng đặc thù của từng cơ quan hoặc từng lĩnh vực quản lý nhà nước. Điều này làm giảm giá trị của vị trí việc làm như một công cụ quản trị, đồng thời hạn chế khả năng sử dụng vị trí việc làm để đánh giá hiệu quả hoạt động của công chức.

Sau quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, nhiều cơ quan được hợp nhất hoặc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ nhưng danh mục vị trí việc làm chưa được cập nhật kịp thời. Sự không đồng bộ giữa mô hình tổ chức mới và hệ thống vị trí việc làm làm cho việc bố trí, sử dụng công chức chưa thực sự phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

3.2. Mối liên hệ giữa vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức chưa thực sự chặt chẽ

Theo định hướng cải cách công vụ, cơ cấu ngạch công chức phải được xác định trên cơ sở yêu cầu của vị trí việc làm. Tuy nhiên, trong thực tế, ở một số cơ quan, việc xác định cơ cấu ngạch vẫn chịu ảnh hưởng của cơ cấu đội ngũ hiện có hoặc nhu cầu giải quyết chế độ, chính sách đối với công chức. Điều này dẫn đến tình trạng có những vị trí việc làm có yêu cầu chuyên môn và trách nhiệm tương đối cao nhưng lại được bố trí công chức ở ngạch chưa tương xứng; ngược lại, cũng có trường hợp công chức giữ ngạch cao nhưng đảm nhận những công việc không đòi hỏi trình độ hoặc mức độ phức tạp tương ứng. Sự thiếu tương thích giữa vị trí việc làm và cơ cấu ngạch không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực mà còn làm giảm tính công bằng trong quản lý công chức.

3.3. Đánh giá công chức chưa thực sự gắn với kết quả thực hiện công việc

Một trong những nguyên tắc cơ bản của quản trị nhân lực hiện đại là đánh giá dựa trên kết quả thực hiện công việc. Tuy nhiên, cơ chế đánh giá công chức hiện nay vẫn còn những hạn chế nhất định. Ở nhiều cơ quan, tiêu chí đánh giá chưa được lượng hóa theo từng vị trí việc làm; kết quả đánh giá chủ yếu dựa trên nhận xét của người quản lý trực tiếp hoặc mức độ hoàn thành nhiệm vụ chung của tập thể. Điều này dẫn đến tình trạng tỷ lệ công chức được đánh giá hoàn thành tốt hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ luôn ở mức rất cao, trong khi khả năng phân loại và nhận diện sự khác biệt về hiệu quả thực hiện công vụ còn hạn chế. Việc thiếu các chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI) hoặc các tiêu chí đầu ra cụ thể khiến vị trí việc làm chưa phát huy đầy đủ vai trò là nền tảng của quản trị kết quả trong khu vực công.

Ngày 22/5/2026, Ban Tổ chức Trung ương đã ban hành Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW của về một số nội dung về việc đánh giá định kỳ hằng quý đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị, qua đó đã khắc phục những hạn chế, bất cập này; tuy nhiên với cán bộ, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể để việc đánh giá, xếp loại đi vào thực chất.

3.4. Thách thức từ chuyển đổi số và yêu cầu phát triển năng lực của công chức

Chuyển đổi số đang tạo ra những thay đổi sâu sắc đối với nền hành chính nhà nước. Nhiều quy trình xử lý công việc được tự động hóa, dữ liệu số trở thành nguồn lực quan trọng trong quản lý nhà nước và việc cung cấp dịch vụ công ngày càng dựa trên nền tảng số. Trong bối cảnh đó, nhiều vị trí việc làm truyền thống cần được điều chỉnh hoặc tái thiết kế để phù hợp với phương thức quản lý mới. Đồng thời, nhiều nhóm vị trí việc làm mới xuất hiện, đòi hỏi công chức phải có năng lực về quản trị dữ liệu, phân tích thông tin, vận hành hệ thống số, an toàn thông tin và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thực thi công vụ. Tuy nhiên, việc cập nhật vị trí việc làm theo yêu cầu chuyển đổi số còn tương đối chậm. Một số danh mục vị trí

việc làm chưa phản ánh đầy đủ những nhiệm vụ mới phát sinh, trong khi chương trình đào tạo, bồi dưỡng công chức chưa theo kịp yêu cầu phát triển năng lực số.

3.5. Yêu cầu xây dựng hệ thống quản trị nguồn nhân lực công dựa trên dữ liệu

Một xu hướng nổi bật của quản trị công hiện đại là quản trị dựa trên dữ liệu (data-driven governance). Trong quản lý công chức, điều này đòi hỏi thông tin về vị trí việc làm, năng lực công chức, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đào tạo, quy hoạch và phát triển nghề nghiệp phải được số hóa, chuẩn hóa và liên thông giữa các cơ quan. Hiện nay, mặc dù nhiều bộ, ngành và địa phương đã xây dựng cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, nhưng dữ liệu về vị trí việc làm vẫn còn phân tán, thiếu tính thống nhất và chưa được khai thác hiệu quả phục vụ công tác quản lý. Điều này làm hạn chế khả năng phân tích nhu cầu nhân lực, dự báo biến động đội ngũ và hỗ trợ việc ra quyết định về tuyển dụng, điều động hoặc đào tạo, bồi dưỡng công chức. Trong bối cảnh xây dựng Chính phủ số, việc hoàn thiện hệ thống dữ liệu về vị trí việc làm sẽ trở thành một trong những điều kiện quan trọng để đổi mới phương thức quản trị nguồn nhân lực công theo hướng hiện đại, minh bạch và dựa trên bằng chứng.

4. Một số kiến nghị tiếp tục hoàn thiện quản lý công chức theo vị trí việc làm ở Việt Nam

Những thay đổi mạnh mẽ của môi trường quản trị công trong bối cảnh tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và chuyển đổi số quốc gia đang đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện quản lý công chức theo vị trí việc làm. Đây không chỉ là yêu cầu nhằm thực hiện đúng các quy định của pháp luật mà còn là điều kiện quan trọng để xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả. Trên cơ sở những vấn đề đã phân tích, kiến nghị tiếp tục hoàn thiện quản lý công chức theo vị trí việc làm ở Việt Nam theo hướng sau:

4.1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về quản lý công chức theo vị trí việc làm

Thể chế là nền tảng bảo đảm cho việc quản lý công chức theo vị trí việc làm được triển khai thống nhất và hiệu quả. Trong thời gian tới, cần tiếp tục rà soát, sửa đổi và hoàn thiện các quy định pháp luật về vị trí việc làm theo hướng đồng bộ với các chủ trương của Đảng về xây dựng nền công vụ hiện đại và tinh gọn bộ máy.

Trước hết, cần bảo đảm sự thống nhất giữa các quy định về vị trí việc làm với các quy định về tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng và cải cách chính sách tiền lương. Vị trí việc làm phải thực sự trở thành nền tảng của toàn bộ hoạt động quản lý nguồn nhân lực công, thay vì chỉ được sử dụng như căn cứ xác định biên chế. Bên cạnh đó, cần xây dựng cơ chế rà soát, cập nhật vị trí việc làm theo định kỳ hoặc khi có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy hoặc ứng dụng công nghệ mới. Điều này sẽ giúp hệ thống vị trí việc làm phản ánh đúng yêu cầu thực tiễn của nền hành chính, tránh tình trạng danh mục vị trí việc làm chậm được điều chỉnh so với sự thay đổi của tổ chức.

4.2. Chuẩn hóa vị trí việc làm và xây dựng khung năng lực công chức

Một trong những điều kiện quan trọng để quản lý theo vị trí việc làm phát huy hiệu quả là mỗi vị trí phải được mô tả đầy đủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, yêu cầu năng lực và

kết quả cần đạt được. Theo đó, cần tiếp tục chuẩn hóa bản mô tả vị trí việc làm theo hướng xác định rõ sản phẩm đầu ra, mức độ phức tạp của công việc, trách nhiệm giải trình và các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Cần xây dựng khung năng lực thống nhất đối với từng nhóm vị trí việc làm, bao gồm năng lực chuyên môn, năng lực quản lý, năng lực số, kỹ năng phối hợp liên ngành và khả năng thích ứng với đổi mới. Việc xây dựng khung năng lực sẽ tạo cơ sở khoa học để thực hiện tuyển dụng, bố trí, điều động, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp của công chức theo đúng yêu cầu của từng vị trí việc làm. Đây cũng là căn cứ để xác định nhu cầu đào tạo và đánh giá mức độ đáp ứng của công chức đối với yêu cầu công việc trong từng giai đoạn.

4.3. Đổi mới công tác đánh giá công chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ, công việc của vị trí việc làm

Đánh giá công chức là khâu trung tâm của quản lý nguồn nhân lực công. Tuy nhiên, để quản lý theo vị trí việc làm thực sự phát huy hiệu quả, việc đánh giá cần chuyển mạnh từ đánh giá quá trình sang đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Bám sát các quan điểm chỉ đạo của Đảng, nhất là theo Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW ngày 22/5/2026 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung về việc đánh giá định kỳ hằng quý đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị, cần nghiên cứu, xem xét để tiếp tục xây dựng tiêu chí đánh giá gắn với từng vị trí việc làm trên cơ sở các mục tiêu, sản phẩm đầu ra và chất lượng thực hiện công việc. Mỗi vị trí cần có các chỉ số đánh giá phù hợp, bảo đảm phản ánh được cả khối lượng, chất lượng, tiến độ và mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với kết quả thực thi công vụ.

Kết quả đánh giá phải được sử dụng thực chất trong các hoạt động quản lý công chức như quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, nâng ngạch, khen thưởng và xử lý trách nhiệm. Khi việc đánh giá phản ánh đúng giá trị đóng góp của từng cá nhân, vị trí việc làm sẽ trở thành công cụ tạo động lực làm việc và nâng cao chất lượng thực thi công vụ.

4.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị nguồn nhân lực công

Chuyển đổi số cần được xem là một trong những động lực quan trọng để đổi mới quản lý công chức theo vị trí việc làm. Trong thời gian tới, cần hoàn thiện nội dung cơ sở dữ liệu thống nhất về vị trí việc làm trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành và địa phương. Hệ thống dữ liệu này cần tích hợp đầy đủ thông tin về vị trí việc làm, khung năng lực, quá trình công tác, kết quả đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và phát triển nghề nghiệp của từng công chức. Trên cơ sở đó, cơ quan quản lý có thể theo dõi sự biến động của đội ngũ, dự báo nhu cầu nhân lực và hỗ trợ việc ra quyết định về tuyển dụng, điều động hoặc bố trí công chức.

Đồng thời, cần từng bước nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (Big Data) và học máy (Machine Learning) trong quản trị nguồn nhân lực công. Các công nghệ này có thể hỗ trợ phân tích khối lượng công việc, dự báo nhu cầu nhân lực, nhận diện khoảng trống năng lực và đề xuất phương án bố trí, sử dụng công chức trên cơ sở dữ liệu khách quan. Tuy nhiên, việc ứng dụng AI cần được triển khai theo lộ

trình phù hợp, bảo đảm tính minh bạch, khả năng kiểm chứng của thuật toán và tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4.5. Nâng cao năng lực quản trị của cơ quan sử dụng công chức và người đứng đầu

Việc quản lý công chức theo vị trí việc làm chỉ có thể đạt hiệu quả khi người đứng đầu và bộ phận tổ chức cán bộ có đủ năng lực phân tích công việc, quản trị nhân lực và sử dụng dữ liệu trong quá trình ra quyết định. Do đó, cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác tổ chức cán bộ theo hướng tiếp cận quản trị nguồn nhân lực hiện đại, đặc biệt là kỹ năng phân tích vị trí việc làm, xây dựng khung năng lực, đánh giá kết quả thực hiện công việc và quản trị dữ liệu nhân sự. Đồng thời, cần hoàn thiện cơ chế phân cấp gắn với trách nhiệm giải trình, bảo đảm người đứng đầu có quyền chủ động trong việc bố trí, sử dụng công chức nhưng cũng phải chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan.

Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện vị trí việc làm công chức, kịp thời phát hiện những bất cập trong tổ chức thực hiện để có giải pháp điều chỉnh phù hợp. Việc kết hợp giữa quyền tự chủ của cơ quan sử dụng công chức với cơ chế giám sát, đánh giá thường xuyên sẽ góp phần bảo đảm tính thống nhất, minh bạch và hiệu quả của hệ thống quản lý công chức theo vị trí việc làm.

Có thể khẳng định rằng, việc hoàn thiện quản lý công chức theo vị trí việc làm không chỉ là yêu cầu của cải cách chế độ công vụ mà còn là điều kiện tiên quyết để xây dựng hệ thống chính trị và chính quyền 3 cấp. Khi vị trí việc làm trở thành trung tâm của quản trị nguồn nhân lực công, các hoạt động tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo và phát triển công chức sẽ được thực hiện trên cơ sở năng lực và kết quả thực thi công vụ, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, sử dụng hiệu quả nguồn lực công và đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới của đất nước.

Kết luận

Quản lý công chức theo vị trí việc làm là xu hướng tất yếu của nền quản trị công hiện đại, phản ánh sự chuyển đổi từ quản lý nguồn nhân lực dựa trên biên chế, ngạch và thâm niên sang quản lý dựa trên yêu cầu của công việc, năng lực thực thi và kết quả hoàn thành nhiệm vụ. Ở Việt Nam, chủ trương này đã từng bước được thể chế hóa trong hệ thống pháp luật về cán bộ, công chức và tiếp tục được hoàn thiện trong bối cảnh đổi mới, tinh gọn tổ chức bộ máy nhà nước, cải cách hành chính và chuyển đổi số. Việc xác định đúng vị trí việc làm có ý nghĩa quan trọng trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đào tạo, đánh giá và phát triển công chức, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và chính quyền 3 cấp. Chỉ khi vị trí việc làm thực sự trở thành trung tâm của quản lý công chức, các hoạt động tuyển dụng, sử dụng, đánh giá và phát triển đội ngũ mới có thể được thực hiện trên cơ sở năng lực và hiệu quả thực thi công vụ, góp phần xây dựng đội ngũ công chức có phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Cường - Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

---

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*.

2. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp*.

3. Chính phủ, *Nghị định số 62/2020/NĐ-CP về vị trí việc làm và biên chế công chức*.

4. Chính phủ, *Nghị định số 361/2025/NĐ-CP về vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập*.

5. Học viện Hành chính Quốc gia, *Giáo trình quản lý nguồn nhân lực khu vực công*. Nxb CTQG-ST, H.2021.

6. Học viện Hành chính Quốc gia, *Giáo trình quản lý công*. Nxb CTQG-ST, H.2022.

7. OECD, *Recommendation of the Council on Public Service Leadership and Capability*. OECD Publishing, 2019.

8. OECD, *Government at a Glance 2023*. OECD Publishing, 2023.

9. Pollitt, C., & Bouckaert, G, *Public management reform: A comparative analysis - Into the age of austerity* (4th ed.). Oxford University Press, 2017.

10. Quốc hội, *Luật Cán bộ, công chức* (Luật số 22/2008/QH12).

11. Quốc hội, *Luật Cán bộ, công chức* (Luật số 80/2025/QH15).

12. United Nations (2023). *World public sector report 2023: Transforming institutions to achieve the Sustainable Development Goals*.

13. Ban Tổ chức Trung ương, *Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW ngày 22/5/2026 về một số nội dung về việc đánh giá định kỳ hằng quý đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị.*

14. Đảng ủy Bộ Nội vụ, *Văn bản số 594-CV/ĐU ngày 27/5/2026 về việc đánh giá, xếp loại cán bộ lãnh đạo, quản lý Quý II năm 2026*

TỪ NGHỊ QUYẾT 26-NQ/TW ĐẾN TƯ DUY QUẢN TRỊ HIỆN ĐẠI TRONG XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ

Qua 8 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đầy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu về công tác cán bộ đã được nâng lên rõ rệt.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc," "Mọi việc thành hay bại đều do cán bộ tốt hay kém."

Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng ấy, tại Hội nghị Trung ương 7 khóa XII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 về "Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ."

Đây là quyết sách chiến lược, xác lập hệ thống quan điểm, mục tiêu, 2 trọng tâm, 5 đột phá cùng các giải pháp toàn diện nhằm nâng tầm chất lượng bộ máy lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ phát triển mới.

Hệ thống thể chế, quy định về phân cấp quản lý, quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ được ban hành chặt chẽ, công khai, góp phần kiểm soát quyền lực và chống chạy chức, chạy quyền.

Công tác đánh giá cán bộ bước đầu chuyển từ định tính sang dựa trên sản phẩm, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo quan trọng. Chủ trương bố trí cán bộ chủ chốt không phải người địa phương cùng nguyên tắc "có vào, có ra; có lên, có xuống" được thực hiện nghiêm túc, củng cố niềm tin của nhân dân.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW vẫn còn những điểm nghẽn. Chất lượng cán bộ cơ sở ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu; cơ cấu cán bộ chưa thực sự hợp lý, còn thiếu cán bộ có năng lực nổi trội và chuyên gia giỏi ở các lĩnh vực chiến lược.

Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu, chưa lượng hóa và kiểm chứng triệt để sản phẩm công tác. Cơ chế thu hút nhân tài chưa đủ mạnh; hệ thống dữ liệu cán bộ còn phân tán. Tình trạng cán bộ né tránh, sợ trách nhiệm vẫn diễn ra ở một số nơi.

Quản trị cán bộ dựa trên dữ liệu và sản phẩm

Tại buổi làm việc với Ban Tổ chức Trung ương ngày 26/8/2026 về Đề án tổng kết 8 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và xây dựng Nghị quyết mới trình Hội nghị Trung ương khóa XIV, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã nhấn mạnh yêu cầu chuyển mạnh từ "quản lý từng khâu" sang "quản trị, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ" thống nhất, liên thông, khoa học và dài hạn.

Yêu cầu đặt ra là phải chọn đúng người, đúng việc; giao nhiệm vụ rõ mục tiêu, rõ trách nhiệm, đủ thẩm quyền, bảo đảm nguồn lực; đánh giá dựa trên phẩm chất, năng lực và sản phẩm thực chất.

Mục tiêu đến năm 2030 là hoàn thiện nền tảng thể chế, vị trí việc làm, khung năng lực và dữ liệu quản trị cán bộ; đến năm 2035 xây dựng đội ngũ phát triển đồng bộ, chất lượng cao; tầm nhìn đến năm 2045 là sở hữu nền quản trị cán bộ ngang tầm yêu cầu của một nước phát triển, thu nhập cao.

Để đạt mốc phát triển này, Đảng giữ vững nguyên tắc lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, tập trung dân chủ, phân cấp gắn với kiểm soát quyền lực, coi trọng thực tài và sản phẩm thực tế. Để giải quyết các điểm nghẽn, công tác cán bộ thời gian tới tập trung vào 3 đột phá chiến lược đồng bộ.

Đột phá thứ nhất là đổi mới căn bản công tác đánh giá, lấy đánh giá làm nền tảng cho mọi quyết định nhân sự. Việc giao nhiệm vụ phải rõ mục tiêu, thẩm quyền, trách nhiệm, tiến độ và sản phẩm kiểm chứng.

Đánh giá cán bộ phải thường xuyên, liên tục, đa chiều, kết hợp định tính với định lượng, đặt trong tương quan với nguồn lực và độ khó của nhiệm vụ.

Thực tiễn áp dụng bộ chỉ số đánh giá hiệu suất (KPI) tại các địa phương cho thấy hiệu quả thiết thực. Ở cấp tỉnh, KPI của người đứng đầu sở, ngành được gắn với các chỉ tiêu kinh tế-xã hội như tốc độ tăng trưởng, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và chỉ số hài lòng (SIPAS).

Ở cấp cơ sở tại các xã, phường, đặc khu, KPI của công chức được chấm điểm tự động qua phần mềm dựa trên tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến đúng hạn và điểm đánh giá hài lòng trực tiếp qua mã QR.

Ngay cả ở khâu tham mưu chính sách, KPI được đo lường bằng việc văn bản trình đúng hạn, tỷ lệ dự thảo bị trả lại do lỗi chất lượng rất thấp và có ít nhất một sáng kiến chuyển đổi số áp dụng thực tế trong năm...

Việc lượng hóa công việc bằng sản phẩm cụ thể giúp xóa bỏ tư duy nể nang, làm cơ sở khách quan để chi trả thu nhập theo hiệu suất và điều động cán bộ.

Đột phá thứ hai là chuyển sang nguồn mở, phát triển đội ngũ và trọng dụng nhân tài. Cần xóa bỏ tư duy đóng khép, chuẩn bị cán bộ từ sớm, từ xa cho các vị trí trọng yếu và địa bàn khó khăn.

Luân chuyển cán bộ phải có mục tiêu, sản phẩm và thời hạn rõ ràng. Mở rộng nguồn thu hút nhân tài trong và ngoài hệ thống chính trị, đồng thời hình thành hai hướng phát triển liên thông giữa cán bộ lãnh đạo, quản lý và đội ngũ chuyên gia chuyên môn sâu.

Đột phá thứ ba là hoàn thiện thể chế, quản trị dựa trên dữ liệu và siết chặt kiểm soát quyền lực. Cần phân định rõ thẩm quyền từng cấp để giảm trùng lặp, gắn quyền hạn với trách nhiệm cá nhân. Kiểm soát quyền lực phải phòng ngừa từ sớm, từ xa, không chỉ chống lạm quyền mà còn khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy công việc.

Minh chứng rõ nét cho tinh thần siết chặt kỷ cương chính là các đợt kiểm tra, giám sát chuyên đề của Bộ Chính trị, Ban Bí thư từ đầu năm 2026 đến nay.

Gần đây, trong đợt kiểm tra, giám sát đợt 3, các Đoàn kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã thông qua kết quả kiểm tra, giám sát đối với các Ban Thường vụ Tỉnh/Thành ủy và Ban Thường vụ các Đảng ủy trực thuộc Trung ương như: Thanh Hóa, Tuyên Quang, Lào Cai, Bắc Ninh; Ban Thường vụ Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương...

Kết quả kiểm tra, giám sát không chỉ đánh giá toàn diện quy trình quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ từng bước được đổi mới, lấy hiệu quả tham mưu, đề xuất, kết quả, sản phẩm cụ thể... làm thước đo chủ yếu; chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài được quan tâm thực hiện bước đầu đạt hiệu quả; từng bước khắc phục biểu hiện cảm tính, tình trạng hình thức; các Đoàn cũng đã chỉ ra một số hạn chế và đề nghị các cấp ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm các kết luận, kiến nghị; phân công rõ trách nhiệm, thời hạn khắc phục.

Đồng thời với những chuyển động trên là việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chí đánh giá cán bộ theo hướng định lượng, gắn với kết quả, sản phẩm công việc; hoàn thiện cơ sở dữ liệu cán bộ, tăng cường ứng dụng công nghệ số và kết nối, chia sẻ dữ liệu "Đúng-Đủ-Sạch-Sống" phục vụ công tác quản lý, đào tạo, bố trí và sử dụng cán bộ nghiêm minh, khách quan.

Nâng cao chất lượng cán bộ cấp chiến lược và cơ sở

Thông báo kết luận của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban Tổ chức Trung ương ngay từ đầu tháng 6/2026 đã chỉ rõ yêu cầu chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược và cán bộ cơ sở. Trong đó, cán bộ cấp chiến lược phải có tầm nhìn, trí tuệ, bản lĩnh, tư duy hệ thống, năng lực hoạch định và xử lý những vấn đề lớn, mới, khó, phức tạp; cán bộ cơ sở phải gần dân, sát dân, hiểu dân, trọng dân, có kỹ năng thuyết phục, đối thoại, giải quyết công việc và phục vụ nhân dân.

Nghiên cứu cơ chế, chính sách thúc đẩy việc liên thông trong công tác cán bộ giữa trong và ngoài khu vực Nhà nước; có cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng, trọng dụng nhân tài, nhất là trong các lĩnh vực chiến lược. Cần có tư duy mới, tầm nhìn mới về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo đảm chặt chẽ, chủ động, khách quan, toàn diện.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và hệ thống trường chính trị cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo hướng thiết thực, hiện đại, phù hợp với điều kiện Việt Nam và bối cảnh quốc tế; chú trọng nâng cao tư duy chiến lược, năng lực lãnh đạo, quản trị và xử lý các vấn đề mới, khó, phức tạp. Đồng thời, chú trọng xây dựng đội ngũ làm công tác tổ chức, cán bộ đạt tiêu chuẩn "Trung thành, trung thực, gương mẫu, trong sáng, tinh thông"...

Trong Thông báo kết luận của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm về xây dựng Nghị quyết mới về cán bộ, công tác cán bộ vào đầu tháng 9 vừa qua đã nhấn mạnh yêu cầu: Dự thảo Nghị quyết phải cô đọng, đúng tầm; rõ quan điểm, mục tiêu cụ thể, đột phá trúng, nhiệm vụ khả thi, trách nhiệm minh bạch.

Nội dung thuộc thẩm quyền của Nghị quyết phải quy định rõ; nội dung cần Bộ Chính trị, Ban Bí thư cụ thể hoá hoặc Nhà nước thể chế hoá phải phân định rõ, tránh chồng chéo, phát sinh thủ tục, tầng nấc trung gian.

Nghị quyết về cán bộ, công tác cán bộ phải được đặt trong chỉnh thể thống nhất với các nghị quyết dự kiến trình Hội nghị Trung ương khóa XIV, trong đó xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nền tảng; phương thức lãnh đạo, cầm quyền là cơ chế; tổ chức bộ máy là cấu trúc; cán bộ là nhân tố quyết định.

Phải rà soát đồng thời các dự thảo, bảo đảm thống nhất về mục tiêu, chủ thể, trách nhiệm, thuật ngữ và nguyên tắc; phân định rõ nội dung, không trùng lặp, chồng chéo nhưng cũng không để khoảng trống.

Thước đo cuối cùng của công tác cán bộ thể hiện ở việc chọn đúng người, bố trí đúng việc, phát huy đúng năng lực và kiểm soát hiệu quả quyền lực. Tổng kết 8 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và chuẩn bị ban hành Nghị quyết mới là bước chuẩn bị chiến lược.

Với tư duy quản trị hiện đại, công cụ đo lường thực chất và kỷ cương thể chế, đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín sẽ là nhân tố quyết định đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

Nguồn: vietnamplus.vn

THỨ HẠNG VIỆT NAM THAY ĐỔI ĐÁNG KỂ TRONG CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TOÀN CẦU

Việt Nam đứng thứ 43 trong bảng xếp hạng Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2026, tăng một bậc so với năm trước. Đáng chú ý, đầu ra đổi mới sáng tạo của Việt Nam đứng thứ 35 thế giới.

Việt Nam xếp thứ 43/139 trong Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu

Theo kết quả GII 2026, Việt Nam xếp thứ 43/139 quốc gia và nền kinh tế, tăng một bậc so với năm 2025. Nếu nhìn trong chặng đường dài, thứ hạng này cho thấy xu hướng cải thiện đáng kể của Việt Nam. Từ vị trí 59 năm 2016, Việt Nam đã vươn lên vị trí 43 năm 2026.

Đáng chú ý, đầu ra đổi mới sáng tạo của Việt Nam tăng hai bậc, từ vị trí 37 lên vị trí 35. Đây cũng là một trong những yếu tố giúp thứ hạng chung của Việt Nam được cải thiện trong năm nay. Kết quả này phù hợp với xu hướng mà WIPO ghi nhận trong những năm gần đây: Việt Nam có khả năng tạo ra kết quả đổi mới sáng tạo cao hơn tương quan với nguồn lực đầu vào. Trong bảng xếp hạng năm 2025, WIPO cũng ghi nhận Việt Nam đứng thứ 44 và có đầu ra đổi mới sáng tạo ở vị trí 37.

Năm 2026, Việt Nam tiếp tục đứng thứ hai trong nhóm các nền kinh tế có thu nhập trung bình thấp, sau Ấn Độ. Trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đứng thứ ba, sau Singapore và Malaysia, đồng thời xếp trên Thái Lan.

WIPO tiếp tục ghi nhận Việt Nam trong nhóm những nền kinh tế có tốc độ cải thiện thứ hạng đổi mới sáng tạo nhanh trong dài hạn. Việt Nam cũng nằm trong nhóm các nền kinh tế có thành tích đổi mới sáng tạo cao hơn mức độ phát triển kinh tế.

Một điểm đáng chú ý trong GII 2026 là Việt Nam tiếp tục duy trì những lợi thế nổi bật trong các hoạt động sản xuất và xuất khẩu gắn với công nghệ.

Theo kết quả năm nay, Việt Nam đứng đầu thế giới ở hai chỉ số: tỷ trọng xuất khẩu công nghệ cao trong tổng giao dịch thương mại và tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa sáng tạo.

Việt Nam cũng nằm trong nhóm 10 quốc gia dẫn đầu thế giới ở một số chỉ số khác. Tỷ trọng nhập khẩu công nghệ cao đứng thứ 3; số lượt tải ứng dụng điện thoại di động đứng thứ 5; tốc độ tăng năng suất lao động đứng thứ 6.

Một số chỉ số khác cũng nằm trong nhóm có thứ hạng cao như tỷ lệ chi cho nghiên cứu và phát triển (R&D) do doanh nghiệp trang trải, tín dụng nội địa cho khu vực tư nhân, mức thuế bình quân gia quyền, tổng tư bản hình thành và mức độ đa dạng của sản xuất trong nước.

Những kết quả này phản ánh một đặc điểm đáng chú ý của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo Việt Nam: khu vực sản xuất, doanh nghiệp và thương mại quốc tế đang tạo ra những đầu ra có khả năng cạnh tranh tương đối cao, trong khi một số nền tảng đầu vào như nhân lực, giáo dục, nghiên cứu cơ bản và tài chính cho đổi mới sáng tạo vẫn cần được cải thiện.

Một trong những tín hiệu đáng chú ý nhất của GII 2026 nằm ở sự cải thiện của nhóm chỉ số đầu ra. Trong năm nay, trụ cột "Sản phẩm tri thức và công nghệ" đứng thứ 35, trong khi "Sản phẩm sáng tạo" đứng thứ 35. Một số chỉ số thành phần cũng ghi nhận mức tăng đáng kể.

Mục tiêu Top 40 vào năm 2030

Dù thứ hạng chung tiếp tục tăng, GII 2026 cũng cho thấy Việt Nam vẫn còn nhiều "điểm nghẽn". Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đặt mục tiêu chỉ số GII của Việt Nam không ngừng được cải thiện và thuộc nhóm 40 quốc gia hàng đầu thế giới.

Trong khi đó, Nghị quyết 57-NQ/TW đặt mục tiêu đến năm 2045 Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo. Từ vị trí 43 hiện nay, khoảng cách để bước vào nhóm 40 không còn lớn về mặt thứ hạng. Tuy nhiên, chặng đường tiếp theo sẽ khó khăn hơn khi các quốc gia xếp trên Việt Nam phần lớn có nền tảng khoa học, công nghệ nhân lực và nguồn lực tài chính mạnh.

Để tiếp tục cải thiện, các nhiệm vụ được đặt ra gồm hoàn thiện thể chế dựa trên yêu cầu thực tiễn; tăng đầu tư cho R&D; thu hút các tập đoàn quốc tế hình thành trung tâm R&D tại Việt Nam; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng năng lực nghiên cứu của viện, trường; thúc đẩy hợp tác viện - trường - doanh nghiệp và phát triển thị trường vốn cho startup công nghệ. Thu hút nguồn vốn đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, nhất là cho các doanh nghiệp khởi nghiệp dựa trên công nghệ.

Song song với đó là hình thành các cụm và liên kết đổi mới sáng tạo, phát triển các doanh nghiệp công nghệ; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận, hấp thụ và làm chủ công nghệ để nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh.

Việc Việt Nam tăng một bậc lên vị trí 43 trong GII 2026 vì thế không chỉ mang ý nghĩa về thứ hạng. Quan trọng hơn, kết quả này cho thấy năng lực tạo ra sản phẩm, công nghệ và giá trị từ các nguồn lực đổi mới sáng tạo đang được cải thiện. Thách thức trong giai đoạn tới là duy trì tốc độ này, đồng thời khắc phục những điểm yếu về giáo dục, nhân lực, nghiên cứu, vốn và thể chế để biến đổi mới sáng tạo thành động lực ngày càng rõ nét của tăng trưởng.

Nguồn: vietnamplus.vn

BAN HÀNH BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC

Ngày 30/9/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu ký Quyết định số 47/2026/QĐ-TTg ban hành Bộ Chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (Bộ Chỉ số).

Nguyên tắc áp dụng Bộ Chỉ số

Nghị định quy định việc áp dụng Bộ Chỉ số phải theo nguyên tắc bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; áp dụng đầy đủ, đồng bộ các nội dung Bộ Chỉ số khi đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, bảo đảm độc lập, khách quan, chính xác, trung thực, công khai, minh bạch, khoa học, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Cấu trúc Bộ Chỉ số

Bộ Chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gồm: Nhóm tiêu chí tính điểm; Nhóm tiêu chí điểm trừ; Nhóm tiêu chí điểm cộng.

Nhóm tiêu chí tính điểm gồm:

Nhóm A: Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật để phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

Nhóm B: Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

Nhóm C: Phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

Nhóm D: Xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Nhóm tiêu chí điểm trừ gồm:

Việc không thực hiện hoặc chậm nộp báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; báo cáo tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cung cấp thông tin, báo cáo, hồ sơ, tài liệu minh chứng không chính xác; báo cáo không có tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhưng các cơ quan có thẩm quyền khác lại phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan cấp bộ, cấp trực thuộc bộ; cấp tỉnh, cấp trực thuộc tỉnh, cấp xã bị xử lý do tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được các cơ quan khác ngoài cấp bộ; ngoài cấp tỉnh phát hiện.

Nhóm tiêu chí điểm cộng gồm:

- Việc thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vượt chỉ tiêu được giao;

- Chủ động kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

- Chủ động kiến nghị biện pháp ngăn chặn việc tẩu tán tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

- Phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua hoạt động điều tra của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trực thuộc Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Các tiêu chí áp dụng chung cho cấp bộ, cấp tỉnh

1- Tiêu chí đánh giá việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật để phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gồm các tiêu chí thành phần:

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật để phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật để phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

2- Tiêu chí đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước gồm các tiêu chí thành phần:

- Kết quả thực hiện công khai, minh bạch;

- Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích;

- Kết quả ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

- Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử;

- Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác;

- Kết quả thực hiện cải cách hành chính;

- Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý;

- Kết quả thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam;

- Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập;

- Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu;

- Việc thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.

3- Tiêu chí đánh giá việc phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gồm các tiêu chí thành phần:

- Kết quả phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra;

- Kết quả phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

- Kết quả phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua hoạt động điều tra.

4- Tiêu chí đánh giá việc xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gồm các tiêu chí thành phần:

- Kết quả xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

- Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính với tổ chức, cá nhân có vi phạm;

- Kết quả thực hiện các kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử;

- Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

- Thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Tiêu chí đặc thù đối với cấp bộ

Tiêu chí đặc thù được áp dụng đối với cấp bộ có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đặc thù như sau:

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước áp dụng đối với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nội vụ, Thanh tra Chính phủ.

- Phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua công tác thanh tra áp dụng đối với cấp bộ có chức năng thanh tra.

- Phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua điều tra áp dụng đối với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

- Thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp áp dụng đối với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Bộ Tư pháp.

Tiêu chí đặc thù đối với cấp tỉnh

Tiêu chí đặc thù được áp dụng đối với cấp tỉnh là tiêu chí đánh giá kết quả hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước gồm các tiêu chí thành phần:

- Kết quả xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ.

- Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch.

- Kiểm soát xung đột lợi ích.

- Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu.

Cách tính điểm và kết quả đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Bộ Chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo thang điểm 100 đối với 3 nhóm tiêu chí: Các tiêu chí áp dụng chung cho cấp bộ, cấp tỉnh; tiêu chí đặc thù đối với các cấp bộ; tiêu chí đặc thù đối với cấp tỉnh.

Tổng điểm đánh giá = Điểm đánh giá của nhóm tiêu chí tính điểm + Điểm đánh giá của nhóm tiêu chí điểm cộng - Điểm đánh giá của nhóm tiêu chí điểm trừ.

Trường hợp tổng điểm đánh giá vượt quá 100 điểm thì tổng điểm được xác định là 100 điểm.

Kết quả đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được xếp thứ tự từ cao xuống thấp chia thành 2 khối, gồm: khối bộ và khối địa phương.

Nguồn: baochinhphu.vn

CHÍNH PHỦ GIAO CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI, NHÀ Ở CHO THUÊ CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Ngày 30/9/2026, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Gia Túc vừa ký ban hành Nghị quyết số 303/NQ-CP về việc giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê cho các địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

Nghị quyết nêu rõ, nhằm đẩy mạnh triển khai Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 – 2030", Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 12/01/2026, về việc giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội cho các địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự vào cuộc của các bộ, ngành và địa phương, tình hình phát triển nhà ở xã hội đã có nhiều chuyển biến; thể chế, chính sách dần được hoàn thiện góp phần tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đơn giản hoá thủ tục đầu tư, xây dựng và bảo đảm tiến độ Đề án xây dựng ít nhất 01 triệu căn nhà ở xã hội theo kế hoạch đề ra.

Mặc dù công tác phát triển nhà ở xã hội đã có kết quả tích cực trong thời gian qua nhưng nguồn cung nhà ở xã hội vẫn còn thiếu, cơ cấu sản phẩm nhà ở còn thiên về sở hữu, trong khi nhu cầu cho thuê nhà ở với giá hợp lý của người lao động là rất lớn.

Ưu tiên phát triển nhà ở cho thuê

Trong thời gian qua, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã có quan điểm chỉ đạo và định hướng lớn về phát triển nhà ở xã hội trong thời gian tới. Do vậy, Chính phủ thống nhất điều chỉnh mục tiêu của Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030" và giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê giai đoạn 2026 - 2030 cho các địa phương với quan điểm:

1- Phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhằm hiện thực hóa quan điểm về "quyền có nơi ở hợp pháp là quyền cơ bản của công dân" và bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận nhà ở an toàn, phù hợp với khả năng chi trả.

2- Bên cạnh nhà ở để bán, cần xác định nhà ở cho thuê là phân khúc chiến lược, dài hạn cho số đông người dân, giúp bảo đảm an sinh xã hội, an ninh trật tự, nâng cao năng suất lao động và góp phần ổn định thị trường bất động sản.

3- Ưu tiên phát triển nhà ở cho thuê, nhất là mô hình chung cư cho thuê có hạ tầng đồng bộ tại các đô thị lớn, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu vực phát triển theo định hướng giao thông công cộng (TOD), vùng động lực và các hành lang kinh tế quan trọng.

4- Ưu tiên bố trí quỹ đất sạch, nguồn vốn ngân sách nhà nước thông qua Quỹ nhà ở của địa phương để phát triển nhà ở cho thuê.

5- Không hoàn toàn phụ thuộc vào ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, đặc biệt là các doanh nghiệp bất động sản lớn, có năng lực, kinh nghiệm, trách nhiệm xã hội, tham gia phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê.

Tổng chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê cho các địa phương giai đoạn 2026 - 2030 là 899.857 căn

Nghị quyết của Chính phủ đặt mục tiêu đến năm 2030, phấn đấu hoàn thành hoặc vượt chỉ tiêu đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp.

Theo Nghị quyết, Chính phủ giao tổng chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê giai đoạn 2026-2030 cho các địa phương là 899.857 căn; trong đó, chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội để bán, cho thuê mua là 708.834 căn; chỉ tiêu phát triển nhà ở cho thuê là 191.023 căn.

Đối với từng địa phương, Chính phủ giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê giai đoạn 2026 - 2030 đối với TP Hà Nội là 84.000 căn, TP Hồ Chí Minh 181.257 căn, TP Hải Phòng 32.850 căn, TP Huế 10.600 căn, TP Đà Nẵng 26.279 căn, TP Cần Thơ 13.250 căn, TP Đồng Nai 60.054 căn...

Chính phủ yêu cầu các địa phương căn cứ chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê được giao, thực hiện hoàn thành hoặc vượt chỉ tiêu để góp phần hoàn thành mục tiêu chung của cả nước.

Bộ Xây dựng có nhiệm vụ theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp kết quả triển khai của các địa phương, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Tăng chỉ tiêu nhà ở xã hội cho thuê, cho thuê mua, giảm nhà ở xã hội để bán

Chính phủ yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đưa chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê được giao tại Nghị quyết này vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm để triển khai thực hiện; rà soát các dự án đã có trong quy hoạch, Chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh để triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu được giao.

Đối với các dự án đã khởi công xây dựng, phải đôn đốc các chủ đầu tư dự án tập trung nguồn lực để thực hiện, quyết tâm hoàn thành trong năm 2026.

Đồng thời, nghiên cứu, chỉ đạo các Chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội tăng chỉ tiêu nhà ở xã hội cho thuê, cho thuê mua, giảm nhà ở xã hội để bán; tổ chức lập, phê duyệt danh mục vị trí khu đất đã được xác định để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê; bố trí đủ quỹ đất để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê tại các vị trí thuận lợi, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

Cải cách thủ tục hành chính, đưa các dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê vào nhóm "luồng xanh", "luồng ưu tiên"

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đưa các dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê vào nhóm "luồng xanh", "luồng ưu tiên"; thực hiện đồng thời, song song các quy trình về đầu tư, đất đai, quy hoạch, xây dựng, môi trường; rút ngắn tối đa thời gian

thẩm định, phê duyệt dự án, giao đất, cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan đảm bảo cắt giảm tối đa thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

Các bộ, ngành có liên quan và địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê. Tăng cường hoạt động giám sát của cộng đồng để các công trình, dự án được thực hiện đúng quy hoạch, thiết kế, đảm bảo chất lượng, tránh thất thoát, lãng phí.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 12/01/2026 về việc giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội cho các địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

Nguồn: baochinhphu.vn

TIÊU CHÍ CHUYỂN ĐỔI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THÀNH DOANH NGHIỆP

Ngày 30/9/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng ký ban hành Nghị định số 373/2026/NĐ-CP ngày 30/9/2026 về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp.

Nghị định quy định việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp, gồm: chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần và chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

7 nguyên tắc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp

Nghị định quy định việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp phải đảm bảo 7 nguyên tắc sau:

1- Phù hợp với chủ trương đường lối của Đảng, Chính phủ về nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

2- Không thực hiện chuyển đổi thành doanh nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trường hợp giải thể, chuyển giao, tổ chức lại theo quy định của Chính phủ về tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập.

3- Không thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp đối với các trường hợp: bệnh viện, đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu trong lĩnh vực y tế; cơ sở giáo dục, đào tạo, trường chuyên biệt và cơ sở giáo dục khác theo quy định Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp; đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ chính trị, phục vụ chức năng quản lý nhà nước, thực hiện công tác xã hội.

4- Không thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần đối với các đơn vị sự nghiệp công lập đang độc quyền cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập độc quyền được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ là tổ chức duy nhất cung ứng sản phẩm, dịch vụ này trong cả nước: Bộ, cơ quan ngang bộ căn cứ tình hình thực tế

để quyết định việc giữ hình thức đơn vị sự nghiệp công lập hoặc thực hiện chuyển thành doanh nghiệp dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh là tổ chức duy nhất cung ứng sản phẩm, dịch vụ này trên địa bàn tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế để quyết định việc giữ hình thức đơn vị sự nghiệp công lập hoặc thực hiện chuyển thành doanh nghiệp dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

5- Khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần, tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp sau chuyển đổi phải phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trường hợp có quy định khác nhau về tỷ lệ vốn nhà nước giữa pháp luật chuyên ngành và pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành). Trường hợp pháp luật chuyên ngành và pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp không có quy định về tỷ lệ Nhà nước nắm giữ vốn tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thì các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh quyết định tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp phù hợp với tình hình của ngành, địa phương, đảm bảo tỷ lệ vốn nhà nước sau chuyển đổi trên 35% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

6- Quá trình chuyển đổi không làm gián đoạn việc cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

7- Sau khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần hoặc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Tiêu chí chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp

Về tiêu chí chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp, Nghị định quy định như sau:

1- Đơn vị sự nghiệp công lập được xem xét quyết định chuyển đổi thành Công ty cổ phần khi đáp ứng đồng thời các nguyên tắc ở trên và các tiêu chí sau:

a) Không thuộc lĩnh vực ngành nghề quy định tại điểm a khoản 2 ở dưới;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và đầu tư hoặc tự bảo đảm được chi thường xuyên trong 02 năm gần nhất với thời điểm xem xét quyết định chuyển đổi.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập được xem xét quyết định chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ khi đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong ngành, lĩnh vực mà pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tại doanh nghiệp hoặc lĩnh vực: xuất bản; thông tin điện tử; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại hoặc đơn vị sự nghiệp công lập đang độc quyền cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại nguyên tắc 4 ở trên;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và đầu tư hoặc tự bảo đảm được chi thường xuyên trong 02 năm gần nhất với thời điểm xem xét quyết định chuyển đổi.

2 hình thức chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần

Nghị định quy định 2 hình thức chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần gồm:

- Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại đơn vị sự nghiệp công lập, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

- Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại đơn vị sự nghiệp công lập hoặc vừa kết hợp bán một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

Nguồn: baochinhphu.vn

TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH LẬP PHÁP NĂM 2027

Văn phòng Chính phủ ban hành văn bản số 9934/VPCP-PL ngày 29/9/2026 truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu về tổ chức triển khai Chương trình lập pháp năm 2027.

Phó Thủ tướng yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang bộ quán triệt, thực hiện nghiêm Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Văn bản số 260/KL-UBTVQH16 ngày 24/9/2026 và các giải pháp tại Điều 2 Nghị quyết số 20/2026/UBTVQH16 ngày 21/9/2026.

Trong đó, các Bộ, cơ quan ngang bộ cần tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm yêu cầu của Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kết luận số 09-KL/TW, Kết luận số 17-KL/TW, chỉ đạo của Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm về đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật, Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI; tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình xây dựng, trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết; tăng cường kiểm soát quyền lực, phòng, chống tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong xây dựng pháp luật.

Đồng thời, chủ động nghiên cứu, xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2027, bảo đảm chất lượng, tiến độ theo quy định. Tiếp tục rà soát, nghiên cứu các Nghị quyết, văn kiện Đại hội XIV của Đảng, chủ trương, chính sách trong các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các Ban chỉ đạo Trung ương, triển khai các nhiệm vụ lập pháp được xác định trong Định hướng lập pháp nhiệm kỳ khóa XVI để sớm đề xuất bổ sung các dự án cần thiết vào Chương trình lập pháp.

Hạn chế điều chỉnh các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết đã được đưa vào Chương trình

Các đề xuất xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết phải rõ vấn đề cần giải quyết, phạm vi điều chỉnh, các chính sách chủ yếu, nguồn lực và khả năng tổ chức thực hiện; các vấn đề chính trị, nhạy cảm, chưa có chủ trương cần báo cáo cấp có thẩm quyền trước khi đề xuất bổ

sung vào Chương trình; hạn chế việc điều chỉnh đối với các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết đã được đưa vào Chương trình.

Về 04 dự án Luật chưa được đưa vào Chương trình lập pháp năm 2027 (Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Dự án Luật Bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; Dự án Luật về Phát triển và quản lý thiết bị bay không người lái (UAV); Dự án Luật Quản lý, phát triển đô thị), Phó Thủ tướng giao các Bộ: Tài chính, Công an, Xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ được giao nghiên cứu kỹ ý kiến kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về từng dự án Luật, đề xuất, kiến nghị phương án xử lý cụ thể, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Phó Thủ tướng giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2027; trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 20/10/2026.

Nguồn: vietnamplus.vn

BAN HÀNH KHUNG KIẾN TRÚC AN NINH MẠNG QUỐC GIA

Ngày 30/9/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng ký Quyết định số 1875/QĐ-TTg ban hành Khung kiến trúc an ninh mạng quốc gia (Phiên bản 1.0).

Khung kiến trúc này được ban hành nhằm thiết lập quy hoạch tổng thể cấp quốc gia về công nghệ, dữ liệu và quy trình phòng thủ, cụ thể hóa các thành phần an ninh mạng dùng chung được quy định tại Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, phù hợp với nguyên tắc dùng chung, chia sẻ tài nguyên, tránh đầu tư thừa, trùng lặp quy định tại Điều 6 và Điều 30 Nghị định số 331/2026/NĐ-CP, bao gồm:

- Nền tảng điều hành an ninh mạng quốc gia: Giám sát, điều phối và chỉ huy ứng phó sự cố an ninh mạng thống nhất.

- Nền tảng phòng vệ mạng quốc gia: Hệ thống lá chắn bảo vệ biên giới số và các hệ thống trọng yếu.

- Hạ tầng bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu đầu cuối: bảo vệ thiết bị và người dùng cuối trong các cơ quan, tổ chức.

- Các hệ thống chuyên ngành an ninh mạng thuộc nhóm các nền tảng số dùng chung quốc gia.

Tài liệu này xác định rõ các thành phần an ninh mạng dùng chung trong toàn bộ hệ thống chính trị. Đây là căn cứ để các đơn vị, địa phương xây dựng, triển khai các giải pháp công nghệ thành phần, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất về tiêu chuẩn kết nối và dữ liệu.

Phạm vi áp dụng

Khung kiến trúc an ninh mạng quốc gia quy định: (i) các yêu cầu cơ bản về kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát an ninh mạng, không đầu tư trùng lặp với thành phần an ninh mạng dùng chung đã được cung cấp, và các yêu cầu tối thiểu bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ hệ thống thông tin; (ii) mô hình kiến trúc tham chiếu để các cơ quan, tổ chức sau xây dựng, cập nhật thành phần an ninh mạng trong Khung kiến trúc số của mình:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Các tổ chức chính trị - xã hội sử dụng ngân sách nhà nước.

- Các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập vận hành các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

- Các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.

Yêu cầu kỹ thuật cụ thể về thành phần an ninh mạng theo từng cấp độ hệ thống thông tin thực hiện theo Nghị định số 331/2026/NĐ-CP và Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14423:2026 (An ninh mạng - Hệ thống thông tin -Yêu cầu cơ bản), không nhắc lại tại Khung kiến trúc an ninh mạng quốc gia. Trách nhiệm kết nối hạ tầng giám sát an ninh mạng quốc gia quy định tại mục tổ chức triển khai, tiểu mục các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Tổng thể các hợp phần hình thành kiến trúc bảo đảm an ninh mạng quốc gia

Các hợp phần bảo đảm an ninh mạng quốc gia cần được xây dựng nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và tuân thủ chặt chẽ theo Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số. Toàn bộ kiến trúc giải pháp bảo đảm an ninh mạng quốc gia là một tập hợp các thành phần kiến trúc có mối quan hệ hữu cơ, tương hỗ lẫn nhau, bao gồm hai nhóm hợp phần chính:

- Kiến trúc An ninh mạng quốc gia (Hợp phần Trụ cột);

- Thành phần bảo đảm an ninh mạng trong Khung kiến trúc số của các cơ quan, tổ chức (Hợp phần Vệ tinh).

Kiến trúc An ninh mạng quốc gia

Kiến trúc An ninh mạng quốc gia được thiết kế dựa trên tư duy phòng thủ chủ động, tích hợp đồng bộ với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số. Hệ thống được cấu trúc thành 04 lớp chức năng liên kết chặt chẽ, hình thành hệ sinh thái an ninh mạng toàn diện: từ hạ tầng giám sát, dữ liệu chiến lược, nền tảng nghiệp vụ đến công tác chỉ huy, điều hành.

Lớp 1: Hạ tầng an ninh mạng dùng chung trong toàn hệ thống chính trị;

Lớp 2: Dữ liệu chia sẻ dùng chung trong toàn hệ thống chính trị;

Lớp 3: Nền tảng ứng dụng, nghiệp vụ An ninh mạng dùng chung trong toàn hệ thống chính trị;

Lớp 4: Kênh Tương tác và đo lường.

Khung kiến trúc an ninh mạng tham chiếu cấp tỉnh

Mô hình này là khung kiến trúc khái niệm để Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương tham chiếu, bổ sung các thành phần an ninh mạng vào Khung kiến trúc số cấp tỉnh. Tại địa phương, mô hình xoay quanh việc hình thành và vận hành Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh, do Công an tỉnh chủ trì quản lý và vận hành.

Mô hình tuân thủ cấu trúc 04 lớp, bảo đảm tính liên thông với Kiến trúc An ninh mạng quốc gia và Kiến trúc tổng thể quốc gia số:

- Lớp 1: Hạ tầng an ninh mạng (Cấp tỉnh);
- Lớp 2: Dữ liệu An ninh mạng (Cấp tỉnh);
- Lớp 3: Nền tảng ứng dụng, nghiệp vụ an ninh mạng (Cấp tỉnh);
- Lớp 4: Kênh Tương tác và đo lường (Cấp tỉnh).

Khung kiến trúc an ninh mạng tham chiếu cho các cơ quan, đơn vị khác

Mô hình tham chiếu này áp dụng cho các cơ quan khối Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, Chính phủ (các bộ, cơ quan ngang bộ) và các tập đoàn, tổng công ty nhà nước quan trọng và các cơ quan, đơn vị khác trong hệ thống chính trị. Mục tiêu là định hướng việc xây dựng thành phần an ninh mạng trong Khung kiến trúc số của từng ngành, lĩnh vực, bảo đảm tính đồng bộ và khả năng liên kết với Kiến trúc An ninh mạng Quốc gia.

Mô hình tuân thủ cấu trúc 04 lớp, có sự tương đồng với mô hình tham chiếu cấp tỉnh nhưng được điều chỉnh để phù hợp với tính chất quản lý theo ngành dọc và yêu cầu bảo mật đặc thù của khối cơ quan trung ương:

- Lớp 1: Hạ tầng An ninh mạng;
- Lớp 2: Dữ liệu An ninh mạng (Cấp bộ/ngành/tổ chức);
- Lớp 3: Nền tảng ứng dụng, nghiệp vụ an ninh mạng (Cấp bộ/ngành/tổ chức);
- Lớp 4: Kênh Tương tác và đo lường (Cấp bộ/ngành/tổ chức).

Nguồn: baochinhphu.vn

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Ngày 30/9/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng ký Quyết định số 1876/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển hệ thống tổ chức kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia (Đề án).

Mục tiêu chung của Đề án là đến năm 2030, hệ thống các tổ chức kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cấp quốc gia được kiện toàn, nâng cấp và phát triển trên cơ sở các tổ chức hiện có, có năng lực kỹ thuật cốt lõi, đồng bộ, liên thông, hiện đại và từng bước được quốc tế

thừa nhận trong các lĩnh vực tiêu chuẩn hóa, đo lường, công nhận, đánh giá sự phù hợp, năng suất và chất lượng.

Hệ thống đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước; phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược và dự án quan trọng quốc gia; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy xuất khẩu, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Kiện toàn 01 tổ chức công nhận quốc gia đáp ứng tiêu chuẩn ISO/IEC 17011

Đề án đưa ra mục tiêu cụ thể đến năm 2030 như sau:

Đối với tổ chức công nhận quốc gia: Kiện toàn 01 tổ chức công nhận quốc gia đáp ứng tiêu chuẩn ISO/IEC 17011 và yêu cầu của khu vực và quốc tế.

Mở rộng phạm vi công nhận được thừa nhận quốc tế đối với các chương trình mới, ưu tiên trí tuệ nhân tạo, khí nhà kính, xác nhận giá trị sử dụng và kiểm tra xác nhận, chứng nhận Halal.

Bảo đảm 100% chuyên gia tham gia hoạt động đánh giá được đào tạo, cập nhật kiến thức theo tiêu chuẩn, chuẩn mực và hướng dẫn quốc tế có liên quan.

Áp dụng phương pháp đánh giá, phân loại mức độ rủi ro trong hoạt động công nhận. Số hóa 100% quy trình công nhận; hoàn thiện cơ sở dữ liệu công nhận và kết nối với cơ sở dữ liệu dùng chung về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp cấp quốc gia: Kiện toàn, nâng cấp tối thiểu 03 tổ chức thử nghiệm, 01 tổ chức chứng nhận và 01 tổ chức giám định hiện có đạt yêu cầu cấp quốc gia, phục vụ chung cho nhiều ngành, lĩnh vực.

Bảo đảm 100% phạm vi hoạt động được công nhận và duy trì công nhận theo tiêu chuẩn, chuẩn mực quốc tế tương ứng.

Phát triển năng lực thử nghiệm, chứng nhận, giám định đối với các lĩnh vực ưu tiên, công nghệ chiến lược, ngành hàng xuất khẩu chủ lực…

Thiết lập và vận hành cơ chế nhận diện, đánh giá, quản lý rủi ro kỹ thuật.

Số hóa 100% quy trình thử nghiệm, chứng nhận, giám định

Đối với tổ chức đo lường cấp quốc gia: Kiện toàn, nâng cấp 01 tổ chức đo lường cấp quốc gia; phục vụ quản lý nhà nước, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và hội nhập quốc tế.

Duy trì, phát triển hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; mở rộng tối thiểu 50 CMC (khả năng đo lường và hiệu chuẩn) được quốc tế thừa nhận.

Sản xuất và cung cấp tối thiểu 30 loại mẫu chuẩn được chứng nhận; tổ chức tối thiểu 100 chương trình thử nghiệm thành thạo.

Hình thành năng lực thử nghiệm mẫu phương tiện đo theo khuyến nghị OIML; quản lý số 100% dữ liệu kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và từng bước áp dụng chứng chỉ điện tử.

Đến năm 2030, tỷ lệ tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, khu vực đạt tối thiểu 75%

Đối với tổ chức năng suất quốc gia: Kiện toàn, nâng cấp tổ chức năng suất hiện có đáp ứng yêu cầu tổ chức năng suất quốc gia.

Phát triển, thúc đẩy áp dụng rộng rãi các hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ và mô hình năng suất xanh, năng suất số, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Hình thành đội ngũ, mạng lưới chuyên gia năng suất, chất lượng có năng lực triển khai mô hình cải tiến gắn với tiêu chuẩn, đo lường, truy xuất nguồn gốc và chuyển đổi số.

Phát triển nền tảng tư vấn năng suất trực tuyến và cơ sở dữ liệu năng suất ngành, doanh nghiệp, kết nối với nền tảng và cơ sở dữ liệu dùng chung về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Đối với năng lực tiêu chuẩn hóa quốc gia: Củng cố năng lực tiêu chuẩn hóa quốc gia của các cơ quan, tổ chức hiện có, thực hiện hiệu quả vai trò đại diện Việt Nam tham gia các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực.

Đến năm 2030, tỷ lệ tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực đạt tối thiểu 75%; xây dựng, công bố khoảng 100 tiêu chuẩn quốc gia phục vụ các nhóm công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược.

Kiện toàn hệ thống ban kỹ thuật, tiểu ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia theo hướng chuyên nghiệp; đào tạo, phát triển tối thiểu 300 chuyên gia tiêu chuẩn hóa quốc tế.

Nâng cao mức độ tham gia và vai trò của Việt Nam tại các ban kỹ thuật, tiểu ban kỹ thuật, nhóm công tác quốc tế.

Số hóa toàn bộ quy trình xây dựng, thẩm định, công bố và phổ biến tiêu chuẩn quốc gia; đến năm 2030, chuyển tối thiểu 50% tiêu chuẩn quốc gia thuộc danh mục ưu tiên sang định dạng tiêu chuẩn thông minh (SMART Standards).

5 nhiệm vụ, giải pháp

Đề án đưa ra 5 nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách và cơ chế phát triển hệ thống tổ chức kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia: Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách và pháp luật bảo đảm đồng bộ cho việc phát triển hệ thống tổ chức kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường; xây dựng danh mục tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia và cốt lõi cần ưu tiên đầu tư theo từng giai đoạn.

Đồng thời, rà soát, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Kế hoạch phát triển chuẩn đo lường quốc gia đến năm 2030, xây dựng tầm nhìn đến năm 2035 và các kế hoạch có liên quan; có kế hoạch bảo đảm mỗi nhiệm vụ, dự án đầu tư phát triển năng lực đo lường, kiểm định phải kèm theo phương án bảo đảm kinh phí vận hành, bảo trì, tham gia so sánh quốc tế và duy trì điều kiện môi trường phòng thí nghiệm.

2. Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) gồm: phát triển hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và phương pháp thử phục vụ hoạt động của tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia; hoàn thiện hạ tầng đo lường, kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm quốc gia; nâng cao năng

lực tổ chức công nhận quốc gia và tổ chức đánh giá sự phù hợp quốc gia; nâng cao năng lực tiêu chuẩn hóa quốc gia, năng lực tổ chức năng suất quốc gia.

3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho hệ thống tổ chức kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia gồm: xây dựng và triển khai chương trình đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ chuyên gia, ưu tiên nhân lực trong các lĩnh vực mới; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu, trường đại học; đề xuất cơ chế đào tạo, tuyển dụng, thu hút, sử dụng, đãi ngộ đối với chuyên gia, nghiên cứu cơ chế đặt hàng đối với lĩnh vực công nghệ mới, công nghệ chiến lược…

4. Tăng cường chuyển đổi số về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng: Xây dựng, hoàn thiện nền tảng số và cơ sở dữ liệu dùng chung; phát triển cơ chế tổng hợp, phân tích cảnh báo về yêu cầu kỹ thuật, rào cản kỹ thuật trong thương mại, truy xuất nguồn gốc.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, AI dữ liệu lớn trong hoạt động kiểm định, giám định, công nhận; từng bước áp dụng chứng chỉ hiệu chuẩn, thử nghiệm, chứng nhận, giám định; áp dụng thống nhất các định dạng dữ liệu kỹ thuật đã được quốc tế công nhận trong lĩnh vực hạ tầng chất lượng số; hiện đại hóa hệ thống quản lý, lưu trữ, phổ biến tiêu chuẩn…

5. Tăng cường hợp tác quốc tế và huy động nguồn lực: Chủ động tham gia, phát huy vai trò tại các tổ chức, diễn đàn và cơ chế khu vực, quốc tế; huy động quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư cho các tổ chức kỹ thuật cấp quốc gia; tăng cường phối hợp liên ngành và liên kết giữa khu vực công với khu vực tư….

Nguồn: baochinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

*** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

- Quyết định số 1899/QĐ-TTg, điều động, bổ nhiệm Trung tướng Lê Minh Quang, Chính ủy Quân đoàn 34 giữ chức Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Quyết định số 1898/QĐ-TTg, điều động, bổ nhiệm Chuẩn Đô đốc Nguyễn Văn Bách, Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Quân chủng Hải quân giữ chức Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng.

- Quyết định số 1895/QĐ-TTg, bổ nhiệm Thiếu tướng Huỳnh Tấn Hùng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật giữ chức Chính ủy Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật.

Tại Quyết định số 1893/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm Đại tá Lê Văn Sơn, Phó Tham mưu trưởng Quân khu 2 giữ chức Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Quân khu 2.

- Quyết định số 1896/QĐ-TTg, điều động, bổ nhiệm Thiếu tướng Trần Minh Trọng, Phó Chính ủy Quân khu 5 giữ chức Chính ủy Quân đoàn 34.

- Quyết định số 1886/QĐ-TTg, phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Đào Thanh Trường, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Bắc Ninh.

- Quyết định số 1889/QĐ-TTg, phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Phạm Bảo Sơn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên.

*** Bộ Nội vụ**

Tiếp nhận, bổ nhiệm ông Hà Tiến Thăng - Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên, giữ chức Cục trưởng Cục Việc làm.

*** Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Tuấn Quang, Phó Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu giữ chức Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu.

- Bổ nhiệm ông Bùi Đức Hiếu, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế giữ chức Phó Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu.

*** Tỉnh Bắc Ninh**

Tiếp nhận, bổ nhiệm ông Thân Trung Kiên, Thành ủy viên, Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân thành phố nhiệm kỳ 2026 - 2031 giữ chức vụ Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Nguồn: Tổng hợp từ baochinhphu.vn và vov.vn